

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

---

**VŨ THỊ MINH TRANG**

**TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA  
TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC  
NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**Hà Nội - 2021**

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
-----

**VŨ THỊ MINH TRANG**

**TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA  
TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC  
NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**Ngành : Quản trị kinh doanh**

**Mã số : 8340101**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Hoàng Thị Hồng Lê**

**Hà Nội - 2021**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả đã nêu trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng, trung thực và chưa được dùng để bảo vệ một học vị nào khác. Các thông tin, trích dẫn trong luận văn đều đã được ghi rõ nguồn gốc.

*Hà Nội, tháng      năm 2021*

**Tác giả**

**Vũ Thị Minh Trang**

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài: “*Tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc*”, ngoài sự cố gắng nỗ lực của bản thân, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ động viên của nhiều cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của TS. Hoàng Thị Hồng Lê - người trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành luận văn này.

Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ, đóng góp những ý kiến quý báu của Nhà trường, của các thầy cô trong khoa Sau đại học Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải.

Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc; Kho bạc Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc; Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc; lãnh đạo các phòng, chi cục trong Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, đã tạo điều kiện giúp đỡ, cung cấp những thông tin và số liệu cần thiết cho tôi để tôi hoàn thành luận văn.

Tôi cũng xin được bày tỏ sự biết ơn chân thành tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên giúp đỡ khích lệ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đây là công trình nghiên cứu, là kết quả làm việc nghiêm túc của bản thân, song do khả năng và trình độ có hạn, chắc rằng đề tài sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô, bạn bè và bạn đọc quan tâm tới đề tài.

*Xin chân thành cảm ơn!*

*Hà Nội, tháng năm 2021*

**Tác giả**

**Vũ Thị Minh Trang**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	v
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ .....	vi
TRÍCH YẾU LUẬN VĂN THẠC SĨ .....	vii
MỞ ĐẦU .....	1
1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài .....	2
3. Phương pháp nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài: .....	5
6. Cấu trúc của luận văn: .....	5
Chương 1 .....	6
<b>CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI .....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Tổng quan về Thuế Giá trị gia tăng và hoàn thuế Giá trị gia tăng. 6</b>	<b>6</b>
1.1.1. Các khái niệm có liên quan .....	6
1.1.2. Đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT .....	7
1.1.3. Đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế GTGT .....	7
<b>1.2. Công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng .....</b>	<b>12</b>
1.2.1. Nội dung Quy trình giải quyết hoàn thuế Giá trị gia tăng .....	12
1.2.2. Vai trò và yêu cầu của công tác quản lý hoàn thuế GTGT .....	23
1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoàn thuế GTGT .....	25

<b>1.3. Kinh nghiệm của một số địa phương về công tác quản lý hoàn thuế</b>	
<b>Giá trị gia tăng.....</b>	<b>28</b>
1.3.1. Kinh nghiệm của Cục Thuế Hà Nội.....	28
1.3.2. Kinh nghiệm của Cục Thuế Bắc Ninh.....	29
1.3.3. Bài học kinh nghiệm cho Vĩnh Phúc trong công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.....	29
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG I.....</b>	<b>31</b>
<b>Chương 2.....</b>	<b>32</b>
<b>THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC .....</b>	<b>32</b>
<b>2.1. Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc:.....</b>	<b>32</b>
2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	32
2.1.2. Đặc điểm văn hóa - xã hội .....	33
<b>2.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý thuế tại địa bàn và tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....</b>	<b>34</b>
2.2.1. Khái quát về Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc: .....	34
2.2.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý thuế tại địa bàn.....	35
2.2.3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước.....	40
<b>2.3. Tổng quan về các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....</b>	<b>41</b>
2.3.1. Số lượng, cơ cấu doanh nghiệp toàn tỉnh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.....	41
2.3.2. Doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....	45
<b>2.4. Thực trạng công tác hoàn thuế và quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....</b>	<b>47</b>

2.4.1 Thực trạng công tác hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:.....	47
2.4.2. Thực trạng công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....	49
<b>2.5. Đánh giá kết quả công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc</b> .....	<b>61</b>
2.5.1. Kết quả đạt được công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc: .	61
2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:.....	63
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>68</b>
<b>Chương 3.....</b>	<b>69</b>
<b>GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC .....</b>	<b>69</b>
<b>3.1. Quan điểm định hướng đối với công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....</b>	<b>69</b>
<b>3.2. Giải pháp Tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....</b>	<b>71</b>
3.2.1. Tuyên truyền, hướng dẫn chính sách hoàn thuế GTGT.....	71
3.2.2. Quản lý, hóa đơn chứng từ.....	73
3.2.3. Tăng cường công tác kiểm tra sau hoàn thuế.....	75
3.2.4. Kiện toàn bộ máy quản lý, cán bộ thuế.....	77
3.2.5. Chi tiết hóa hồ sơ hoàn thuế.....	79
3.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế (Hoàn thuế điện tử).....	85

3.2.7. Các giải pháp khác .....	86
<b>3.3. Kiến nghị.....</b>	<b>88</b>
3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ.....	88
3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế.....	88
3.3.3. Kiến nghị đối với địa phương .....	89
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>91</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>92</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>94</b>



## **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

CSKD : Cơ sở kinh doanh

FDI: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

GTGT : Giá trị gia tăng

KBNN: Kho bạc nhà nước

NNT: Người nộp thuế

NSNN : Ngân sách nhà nước

QLN: Quản lý nợ

SXKD : Sản xuất kinh doanh

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Biểu nguồn nhân lực của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc. ....	40
Bảng 2.2. Kết quả thu thuế, phí của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....	40
Bảng 2.3. Số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc .....	42
Bảng 2.4. Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Quốc gia tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....	42
Bảng 2.5. Phân loại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc .....	43
Bảng 2.6. Doanh thu bình quân 01 doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....	45
Bảng 2.7. Lợi nhuận bình quân các doanh nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc.....	46
Bảng 2.8. Số tiền chi hoàn theo các trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....	47
Bảng 2.9. Phân loại hồ sơ hoàn thuế theo các trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....	49
Bảng 2.10. Một số trường hợp không được hoàn thuế GTGT khâu phân loại hồ sơ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc .....	51
Bảng 2.11. Danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện hoàn trước nhưng có dấu hiệu rủi ro chuyển kiểm tra trước hoàn .....	53
Bảng 2.12. Bảng phân tích nội dung công việc hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau .....	54
Bảng 2.13. Bảng phân tích nội dung công việc hoàn thuế GTGT đối với trường hợp kiểm tra trước kiểm tra hoàn thuế sau.....	55
Bảng 2.14. Kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT tại Cục Thuế Vĩnh Phúc .....	57
Bảng 2.15. Số lượng hồ sơ được kiểm tra thanh tra sau hoàn thuế. ....	58
Bảng 2.16. Số tiền thuế truy hồi hoàn qua các năm.....	59

## **DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ**

Biểu đồ 2.1. Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Quốc gia tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....	43
Biểu đồ 2.2. Số tiền chi hoàn theo các trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....	48
Biểu đồ 2.3. Kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT tại Cục Thuế Vĩnh Phúc ...	57

# TRÍCH YẾU LUẬN VĂN THẠC SĨ

**Tên đề tài:** “Tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc”.

Họ và tên học viên: **Vũ Thị Minh Trang**

Mã Học viên: K4CH4QT21189

Lớp: K4CH1QT22 Khoá: K4

Từ khóa: Quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng

Nội dung tóm tắt:

## **1. Tính cấp thiết của đề tài**

- Thuế là nguồn thu chủ yếu và lâu dài của Nhà nước nhằm huy động tập trung một phần của cải vật chất trong xã hội vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó thuế GTGT chiếm một phần quan trọng. Công tác hoàn thuế GTGT là một nghiệp vụ của Luật thuế GTGT, bao hàm rất nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội và từ đây cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, thuế GTGT là loại thuế gián thu, đánh vào người tiêu dùng, các doanh nghiệp chỉ là người nộp ở khâu trước và sau đó được khấu trừ và hoàn lại số thuế này, xuất phát từ đây, nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng kẽ hở của chính sách để lừa đảo, chiếm đoạt tiền của Nhà nước. Thực tế đó đòi hỏi phải nghiên cứu để tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh Luật thuế, tránh làm thất thoát Ngân sách Nhà nước, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

- Công tác hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian vừa qua đã đem lại nhiều kết quả tốt như: thực hiện hoàn thuế điện tử, cắt giảm thủ tục hành chính NNT không phải gửi kèm bảng kê hàng hóa mua vào... Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập và đây cũng là tình trạng chung của nhiều doanh nghiệp trên cả nước, những hạn chế này đã đặt ra một đòi hỏi là phải nghiên cứu vấn đề hoàn thuế GTGT nói chung và công tác hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng để nắm bắt được những bất cập, những tồn tại trong công tác hoàn thuế GTGT, từ đó đưa ra các giải pháp hợp lý để góp phần tăng cường quản lý cơ chế, chính sách liên quan đến công tác hoàn thuế GTGT, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm chính sách thuế GTGT và việc hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đạt hiệu quả, đảm bảo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Từ các lý do trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài: "***Tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc***".

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài**

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác hoàn thuế nói chung, hoàn thuế GTGT nói riêng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- Đánh giá thực trạng công tác hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc những năm gần đây;
- Đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý công tác hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu lý luận, thực trạng, giải pháp về công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các hoạt động có liên quan đến công tác hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Về thời gian: Nghiên cứu được giới hạn trong khoảng thời gian từ năm 2017-2019.

## **4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài**

Tác giả sử dụng các phương pháp cụ thể sau:

- + Phương pháp thu thập thông tin
- + Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

## **5. Đóng góp về khoa học của luận văn**

- Góp phần hệ thống hóa lý luận hệ thống hóa một số vấn đề cơ sở lý luận về công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng.

- Đánh giá thực trạng công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đề xuất một số giải pháp tăng cường công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2021

**Giáo viên hướng dẫn**

**Học viên**

**TS. Hoàng Thị Hồng Lê**

**Vũ Thị Minh Trang**

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của nghiên cứu đề tài

Thuế là một phạm trù kinh tế khách quan đồng thời cũng là một phạm trù lịch sử. Thuế xuất hiện, tồn tại cùng với sự hình thành, tồn tại và phát triển của Nhà nước. Thuế là công cụ quản lý rất quan trọng của Nhà nước, vừa đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách, vừa là công cụ điều tiết vĩ mô của nền kinh tế. Để có thể huy động đầy đủ, kịp thời nguồn thu từ thuế vào Ngân sách đảm bảo cho Nhà nước có một nguồn thu ổn định, đáp ứng được vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Thuế là nguồn thu chủ yếu và lâu dài của Nhà nước nhằm huy động tập trung một phần của cải vật chất trong xã hội vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó thuế GTGT chiếm một phần quan trọng. Công tác hoàn thuế GTGT là một nghiệp vụ của Luật thuế GTGT, bao hàm rất nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội và từ đây cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, thuế GTGT là loại thuế gián thu, đánh vào người tiêu dùng, các doanh nghiệp chỉ là người nộp ở khâu trước và sau đó được khấu trừ và hoàn lại số thuế này, xuất phát từ đây, nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng kẽ hở của chính sách để lừa đảo, chiếm đoạt tiền của Nhà nước. Thực tế đó đòi hỏi phải nghiên cứu để tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh Luật thuế, tránh làm thất thoát Ngân sách Nhà nước, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Vĩnh Phúc là một tỉnh trung du, vùng địa lý chiến lược phát triển kinh tế, giáp thủ đô Hà Nội, kết cấu hạ tầng phát triển về cả đường bộ, đường hàng không, đường thủy như: giao thông thuận lợi nhiều tuyến cao tốc chạy qua (Nội Bài – Lào Cai, Hà Nội – Thái Nguyên, Hà Nội – Lạng Sơn), gần Sân bay Nội Bài, Cảng Hải Phòng... môi trường đầu tư kinh doanh tốt, thủ tục nhanh chóng, thuận lợi. Tính đến tháng 12/2019 Vĩnh Phúc đã có 291 dự án FDI đầu tư vào tỉnh với tổng số vốn đăng ký hơn 3,9 tỷ USD do vậy các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã góp phần giải quyết việc làm và tăng thu cho ngân sách Nhà nước. Phòng Kế khai và Kế toán thuế thuộc Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc có chức năng quản lý, theo dõi việc kê khai thuế, thực hiện phân loại hồ sơ hoàn thuế và trực tiếp thực hiện hoàn thuế cho các doanh nghiệp thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau. Thực tế việc thực hiện công tác theo dõi kê khai thuế và hoàn thuế GTGT không phải lúc nào cũng diễn ra suôn sẻ,

mà thường xuyên nảy sinh những vấn đề cần phải hoàn thiện: chính sách thuế còn nhiều vướng mắc dẫn đến thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế chậm, kéo dài; bên cạnh đó đã có nhiều trường hợp lợi dụng hoàn thuế để lừa đảo chiếm đoạt tiền thuế thông qua việc kê khai không đúng số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, dùng hóa đơn bất hợp pháp để hợp thức hóa chi phí, trong đó có khấu trừ thuế GTGT đầu vào để hoàn thuế ...

Công tác hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian vừa qua đã đem lại nhiều kết quả tốt như: thực hiện hoàn thuế điện tử, cắt giảm thủ tục hành chính NNT không phải gửi kèm bảng kê hàng hóa mua vào... Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập và đây cũng là tình trạng chung của nhiều doanh nghiệp trên cả nước, những hạn chế này đã đặt ra một đòi hỏi là phải nghiên cứu vấn đề hoàn thuế GTGT nói chung và công tác hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng để nắm bắt được những bất cập, những tồn tại trong công tác hoàn thuế GTGT, từ đó đưa ra các giải pháp hợp lý để góp phần tăng cường quản lý cơ chế, chính sách liên quan đến công tác hoàn thuế GTGT, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm chính sách thuế GTGT và việc hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đạt hiệu quả, đảm bảo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Từ các lý do trên, tôi chọn nghiên cứu đề tài: "***Tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc***".

## **2. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

### ***2.1. Mục tiêu chung***

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và đánh giá thực trạng hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở tỉnh Vĩnh Phúc từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm tăng cường quản lý công tác này trên địa bàn.

### ***2.2. Mục tiêu cụ thể***

Hệ thống hoá cơ sở lý luận về công tác hoàn thuế nói chung, hoàn thuế GTGT nói riêng đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài;

Đánh giá thực trạng công tác hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc những năm gần đây;

Đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý công tác hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm tới.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### ***3.1. Phương pháp thu thập thông tin***

Nghiên cứu sử dụng các tài liệu và thông tin đã công bố để phân tích, lựa chọn các quan điểm về phương pháp luận về quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Số liệu và nguồn gốc của các số liệu đã công bố:

+ Thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở sách, báo, tạp chí chuyên ngành, hội thảo, các báo cáo có liên quan, báo cáo khoa học đã được công bố, các trang web, các bài báo trên mạng internet,...có liên quan đến đề tài.

+ Thu thập các thông tin, số liệu về đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc tại Cục Thống kê, Văn phòng HĐND – UBND tỉnh Vĩnh Phúc và các cơ quan, đơn vị cấp thành phố.

+ Thu thập thông tin về các vấn đề có liên quan đến giải pháp quản lý hoàn thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và các ngành có liên quan.

Các dữ liệu này được đọc, phân tích, sử dụng và trích dẫn đầy đủ.

#### ***3.2. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu***

- *Phương pháp xử lý dữ liệu:*

Các dữ liệu sau khi thu thập, được kiểm tra lại theo ba yêu cầu: Đầy đủ, chính xác và logic, sau đó nhập vào máy tính và sự trợ giúp của phần mềm Excel. Sử dụng các công cụ của máy tính tôi đã tiến hành phân tích, sắp xếp theo một trình tự nhất định, phân tổ theo các tiêu thức chính như đơn vị hành chính, nội dung quản lý, mức độ thực hiện các nội dung quản lý... Các dữ liệu được tính toán các tham số thống kê và trình bày ở các bảng số liệu, đồ thị, sơ đồ và hợp ý kiến.



- *Phương pháp so sánh:*

Đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng đã được lượng hóa có cùng nội dung, tính chất tương tự để đánh giá. Trên cơ sở đó đánh giá mặt tích cực, mặt hạn chế, hiệu quả hay không để tìm ra các giải pháp tối ưu trong từng trường hợp. So sánh gồm so sánh tuyệt đối và so sánh số tương đối.

So sánh số tuyệt đối là kết quả của phép trừ giữa trị số của kỳ phân tích so với kỳ gốc, kết quả so sánh này biểu hiện khối lượng, quy mô của các hiện tượng.

So sánh số tương đối: là tỷ lệ phần trăm của chỉ tiêu kỳ phân tích với chỉ tiêu cơ sở, thể hiện tỷ lệ của số chênh lệch tuyệt đối so với chỉ tiêu gốc, để nói lên tốc độ tăng trưởng.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng phương pháp đồ thị và biểu đồ để từ đó phân tích mối quan hệ giữa đối tượng phân tích và các đối tượng khác.

- *Phương pháp phân tích dữ liệu:*

Thống kê mô tả: Sử dụng số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân để phân tích mức độ hoàn thuế của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

Phương pháp so sánh: So sánh mức độ thực hiện giữa các nhóm doanh nghiệp, giữa thực hiện với yêu cầu đặt ra.

Tổng hợp các bên về khó khăn, thuận lợi, kiến nghị hoàn thiện.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các hoạt động có liên quan đến công tác hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

- Về nội dung :

Đề tài tập trung làm rõ thực trạng, thuận lợi, khó khăn trong quản lý hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn từ năm 2017 – 2019 và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường quản lý công tác hoàn thuế GTGT cho các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Về không gian:

Đề tài được triển khai trên phạm vi của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và cơ quan Quản lý Thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;

Một số nội dung chuyên sâu sẽ khảo sát tại một số doanh nghiệp, chi cục thuế đại diện.

- Về thời gian:

Dữ liệu sơ cấp sẽ khảo sát ở các năm 2018-2019;

## **5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài:**

- Về ý nghĩa khoa học: Đề tài góp phần hệ thống hoá được một số vấn đề lý luận cơ bản về công tác quản lý hoàn thuế GTGT.

- Về thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, đề xuất được một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp FDI ở địa bàn tỉnh nhà.

Luận văn sẽ là tài liệu để nghiên cứu, tham khảo đối với công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

## **6. Cấu trúc của luận văn:**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và các phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- **Chương 2:** Thực trạng quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Vĩnh Phúc.

- **Chương 3:** Giải pháp tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

# Chương 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### 1.1. Tổng quan về Thuế Giá trị gia tăng và hoàn thuế Giá trị gia tăng

#### 1.1.1. Các khái niệm có liên quan

Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế. Thuế không phải là một hiện tượng tự nhiên mà là một hiện tượng xã hội do chính con người định ra và nó gắn liền với phạm trù Nhà nước và pháp luật.

Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước (NSNN), là công cụ quan trọng để phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân.

Thuế GTGT: là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Hoàn thuế: là số tiền thuế của các đơn vị sản xuất kinh doanh, các cá nhân, các tổ chức còn dư đã nộp cho ngân sách nhà nước nay được hoàn trả.

Hoàn thuế GTGT: là việc Ngân sách nhà nước trả lại cho cơ sở kinh doanh hoặc tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ số tiền thuế đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh còn chưa được khấu trừ trong kỳ tính thuế hoặc hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp tiêu dùng của tổ chức, cá nhân đó không thuộc diện chịu thuế.

Công tác hoàn thuế GTGT: là một chuỗi các nghiệp vụ theo quy trình nhất định nhằm thực hiện đầy đủ các bước công việc hoàn trả lại tiền thuế cho tổ chức, cá nhân được phép hoàn thuế.

Công tác quản lý hoàn thuế GTGT bao gồm việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thanh tra, kiểm tra trước và sau hoàn thuế, quản lý kinh phí dự toán hoàn thuế, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan trong việc quản lý hoàn thuế GTGT như Kho Bạc, Hải Quan, Cơ quan CSĐT...

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông.

### ***1.1.2. Đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT***

- Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

- Phương pháp tính thuế GTGT:

+ Phương pháp khấu trừ thuế : Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ.

Cách tính:

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra – Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

+ Phương pháp tính trực tiếp: áp dụng đối với các cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác (bao gồm cả các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí; Hoạt động kinh doanh mua bán vàng bạc, đá quý.

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

### ***1.1.3. Đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế GTGT***

Đối tượng được hoàn thuế GTGT bao gồm các trường hợp sau:

(1). Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu

có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết phát sinh trước kỳ tính thuế tháng 7/2016 (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trước kỳ tính thuế quý 3/2016 (đối với trường hợp kê khai theo quý) đủ điều kiện hoàn thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thì cơ quan thuế giải quyết hoàn thuế theo quy định của pháp luật.

(2). Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm, trừ trường hợp hướng dẫn tại điểm c Khoản 3 Điều này. Trường hợp, nếu số thuế giá trị gia tăng lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

(3). Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư

a) Cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (trừ trường hợp hướng dẫn tại điểm c Khoản 3 Điều này và trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định) cùng tỉnh, thành phố, đang trong giai đoạn đầu tư thì cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai riêng đối với dự án đầu tư và phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của cơ sở kinh doanh.

Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.

Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư mà chưa được khấu trừ hết nhỏ hơn 300 triệu đồng thì kết chuyển vào số thuế GTGT đầu vào của

dự án đầu tư của kỳ kê khai tiếp theo.

b) Trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới (trừ trường hợp hướng dẫn tại điểm c Khoản 3 Điều này và trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định) tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính, đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động, chưa đăng ký kinh doanh, chưa đăng ký thuế thì cơ sở kinh doanh lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư đồng thời phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của cơ sở kinh doanh.

Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư mới chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.

Sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư mới chưa được khấu trừ hết nhỏ hơn 300 triệu đồng thì kết chuyển vào số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư của kỳ kê khai tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có quyết định thành lập các Ban Quản lý dự án hoặc chi nhánh đóng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính để thay mặt người nộp thuế trực tiếp quản lý một hoặc nhiều dự án đầu tư tại nhiều địa phương; Ban Quản lý dự án, chi nhánh có con dấu theo quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản gửi tại ngân hàng, đã đăng ký thuế và được cấp mã số thuế thì Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải lập hồ sơ khai thuế, hoàn thuế riêng với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế. Khi dự án đầu tư để thành lập doanh nghiệp đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế giá trị gia tăng phát sinh, số thuế giá trị gia tăng đã hoàn, số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp.

#### “4. Hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu

a) Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Cơ sở kinh doanh trong tháng/quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội địa thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế GTGT đầu vào hạch toán riêng được và số thuế GTGT đầu vào được phân bổ theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.

Đối tượng được hoàn thuế trong một số trường hợp xuất khẩu như sau: Đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu, là cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu; đối với gia công chuyển tiếp, là cơ sở ký hợp đồng gia công xuất khẩu với phía nước ngoài; đối với hàng hóa xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài, là doanh nghiệp có hàng hóa, vật tư xuất khẩu thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài; đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ là cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu tại chỗ.

b) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường

hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

c) Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không bị xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.”.

(5). Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Cơ sở kinh doanh trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng phải giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động chưa phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động kinh doanh chính theo dự án đầu tư thì chưa phải điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đã kê khai, khấu trừ hoặc đã được hoàn. Cơ sở kinh doanh phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động theo quy định.

Trường hợp cơ sở kinh doanh sau khi làm đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản thì đối với số thuế GTGT đã được hoàn thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản và quản lý thuế; đối với số thuế GTGT chưa được hoàn thì không được giải quyết hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh chấm dứt hoạt động và không phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động kinh doanh chính thì phải nộp lại số thuế đã được hoàn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp có phát sinh bán tài sản chịu thuế GTGT thì không phải điều chỉnh lại số thuế GTGT đầu vào tương ứng của tài sản bán ra.

(6). Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.



a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.

b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn thuế GTGT đã trả của hàng hoá, dịch vụ đó.

(7). Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hoá đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.

(8). Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hoá mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh. Việc hoàn thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.

(9). Cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

## **1.2. Công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng**

### ***1.2.1. Nội dung Quy trình giải quyết hoàn thuế Giá trị gia tăng***

Hoàn thuế GTGT nói chung và hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng gồm các nội dung sắp xếp theo trình tự 9 bước là:

(1) Lập và gửi hồ sơ hoàn thuế; (2) Tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế; (3) Phân loại hồ sơ hoàn thuế; (4) Giải quyết hồ sơ hoàn thuế; (5) Đề xuất hoàn thuế ; (6) Thẩm định hồ sơ hoàn thuế; (7) Giám sát hồ sơ hoàn thuế; (8) Ban hành Quyết định hoàn thuế; (9) Chi hoàn thuế cho người nộp thuế. Ở nội dung bước 3 về giải quyết hồ sơ hoàn thuế được thực hiện theo 1 trong 2 phương pháp: Một là Hoàn thuế trước kiểm

tra sau; Hai là Kiểm tra trước, hoàn thuế sau:

Nội dung chi tiết từng bước được cụ thể hoá như sau:

*(Thông tư 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 hướng dẫn về quản lý hoàn thuế*

*Giá trị gia tăng của Bộ Tài chính)*

### **Bước 1: Lập và gửi hồ sơ hoàn thuế**

#### 1. Hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính) (sau đây gọi là Thông tư số 156/2013/TT-BTC).

Các tài liệu khác theo quy định tại các Điều từ Điều 50 đến Điều 56 (trừ Điều 53) của Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

Người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng đầy đủ các Điều kiện về khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và pháp luật về quản lý thuế, lập và gửi hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

Chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và không phải là đơn vị kế toán lập báo cáo tài chính theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, khi đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng phải có văn bản ủy quyền của doanh nghiệp trụ sở chính theo quy định của pháp luật về uỷ quyền.

Người nộp thuế được gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc gửi qua đường bưu chính. Cụ thể:

Người nộp thuế gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế kể từ thời điểm cơ quan thuế chấp nhận giao dịch hoàn thuế điện tử theo quy định tại Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (sau đây gọi là Thông tư số 110/2015/TT-BTC).

Người nộp thuế gửi trực tiếp hồ sơ hoàn thuế bằng giấy hoặc gửi qua đường bưu chính đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

Người nộp thuế đã gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan thuế nhưng sau đó có văn bản hủy đề nghị hoàn thuế thì người nộp thuế được khai Điều chỉnh, bổ

sung số thuế đề nghị hoàn chuyên khấu trừ tiếp vào tờ khai thuế giá trị gia tăng của kỳ kê khai tiếp theo kể từ thời Điểm có văn bản hủy đề nghị hoàn thuế, nếu đáp ứng đủ Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

## **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế**

### 1. Nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử

a) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của người nộp thuế.

b) Hệ thống ứng dụng quản lý thuế tự động ghi nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của người nộp thuế và chuyển đến cơ quan thuế giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 9 Thông tư này; đồng thời gửi Thông báo xác nhận nộp hồ sơ hoàn thuế điện tử (mẫu số 01/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC) cho người nộp thuế, cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

### 2. Nhận hồ sơ hoàn thuế bằng giấy

a) Hồ sơ nộp trực tiếp tại cơ quan thuế:

Bộ phận “một cửa” của cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế nhận hồ sơ hoàn thuế, kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, bộ phận “một cửa” thông báo, hướng dẫn người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, bộ phận “một cửa” ghi sổ nhận hồ sơ hoàn thuế trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

b) Hồ sơ nộp qua đường bưu chính:

Bộ phận hành chính văn thư của cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế nhận hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế, ghi sổ văn thư theo quy định, chuyển bộ phận “một cửa” để xử lý theo quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Chi cục Thuế gửi hồ sơ hoàn thuế cho Cục Thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo liền kề trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản này.

d) Đối với Chi cục Thuế trực tiếp giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư này: bộ phận “một cửa” chuyển hồ sơ hoàn thuế cho

bộ phận giải quyết hồ sơ hoàn thuế của Chi cục Thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo liền kề.

### 3. Thời Điểm tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế

a) Đối với hồ sơ hoàn thuế điện tử: là ngày ghi trên Thông báo xác nhận nộp hồ sơ hoàn thuế điện tử quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này.

b) Đối với hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc gửi qua đường bưu chính: là ngày nộp hồ sơ hoàn thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

### **Bước 3: Phân loại hồ sơ hoàn thuế**

1. Cơ quan thuế thực hiện phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 18 Điều 1 Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13; Khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau là hồ sơ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Hoàn thuế theo quy định của Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trừ trường hợp hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần của các hãng vận tải nước ngoài.

- Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu.

Trường hợp người nộp thuế có hồ sơ hoàn thuế gửi cơ quan quản lý thuế lần đầu nhưng không thuộc diện được hoàn thuế theo quy định thì lần đề nghị hoàn thuế kế tiếp vẫn xác định là đề nghị hoàn thuế lần đầu.

- Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ thời Điểm bị cơ quan quản lý thuế xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế.

Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 (hai) năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời Điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Khoản 33 Điều 1 Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13, hoặc hành vi trốn thuế, gian lận thuế quy định tại Điều 108 Luật quản lý thuế và Khoản 34 Điều 1 Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện

kiểm tra trước khi hoàn thuế. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế, gian lận về thuế quy định tại Khoản 33, Khoản 34 Điều 1 Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13, Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau theo đúng thời hạn 02 (hai) năm, kể từ thời Điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế.

- Người nộp thuế sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02(hai) năm, kể từ thời Điểm bị cơ quan quản lý nhà nước xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại.

Cơ quan thuế căn cứ thông tin về Quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, gian lận thương mại trên cơ sở dữ liệu quản lý hoàn thuế tại thời Điểm đánh giá để căn cứ phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Thời Điểm 02 (hai) năm được tính kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có Quyết định xử phạt về một trong các hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới, gian lận thương mại tại thời Điểm đánh giá.

- Doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

- Người nộp thuế thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế là các trường hợp người nộp thuế được đánh giá xếp hạng rủi ro cao, rủi ro rất cao, người nộp thuế có thời gian hoạt động dưới 12 tháng hướng dẫn tại Thông tư số 204/2015/TT-BTC.

- Hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu theo thông báo của cơ quan thuế hoặc có giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng.

b) Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau là các hồ sơ không thuộc Điểm a Khoản này.

2. Trường hợp kết quả phân loại hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc chuyển hồ sơ hoàn thuế sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau (mẫu số 01/HT-TB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC) cho người nộp thuế trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC. Trường hợp người nộp thuế thực hiện hoàn thuế điện tử, thông báo được gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

#### **Bước 4: Giải quyết hồ sơ hoàn thuế**

1. Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau

Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế và thông tin về người nộp thuế do cơ quan thuế quản lý tại cơ sở dữ liệu hoàn thuế giá trị gia tăng để kiểm tra đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, cụ thể:

a) Trường hợp hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc đối tượng và trường hợp hoàn thuế theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Quản lý thuế, trong thời hạn chậm nhất không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ, cơ quan thuế ban hành Thông báo về việc không được hoàn thuế (mẫu số 02/HT-TB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC) gửi cho người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế thực hiện hoàn thuế điện tử, Thông báo được gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Trường hợp hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, cơ quan thuế thực hiện đối chiếu số tiền thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn tại hồ sơ hoàn thuế với hồ sơ khai thuế của người nộp thuế. Số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn phải đảm bảo đã được khai thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 (sau đây gọi là Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Trường hợp chưa đủ thông tin để xác định hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, cơ quan thuế lập và gửi Thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu (mẫu số 01/KTTT ban hành kèm theo

Thông tư 156/2013/TT-BTC) theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Thông tư 156/2013/TT-BTC gửi người nộp thuế trong thời hạn chậm nhất không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế. Trường hợp người nộp thuế thực hiện hoàn thuế điện tử, Thông báo được gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế có Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi các giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo thông báo của cơ quan thuế. Quá thời hạn nêu trên, cơ quan thuế chuyển hồ sơ hoàn thuế sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau.

- Trường hợp thông tin liên quan đến xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước đã có quy chế trao đổi thông tin và phối hợp công tác với cơ quan thuế thì cơ quan thuế không được yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu.

- Trường hợp người nộp thuế đã giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng hoặc quá thời hạn yêu cầu của cơ quan thuế nhưng không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC: Thủ trưởng cơ quan thuế chịu trách nhiệm phê duyệt thay đổi phân loại hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau sang thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau; đồng thời gửi Thông báo về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau (mẫu số 01/HT-TB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC) cho người nộp thuế biết trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 58 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

d) Khoảng thời gian kể từ ngày cơ quan thuế phát hành thông báo đề nghị giải trình, bổ sung đến ngày cơ quan thuế nhận được văn bản giải trình, bổ sung của người nộp thuế không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế.

2. Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau:

a) Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, thanh tra tại trụ sở của người nộp thuế theo quy định tại các Điều 78, Điều 79, Điều 80 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành, theo quy trình kiểm tra thuế, quy trình thanh tra của ngành thuế. Căn cứ kết quả kiểm tra thuế, thanh tra thuế, cơ

quan thuế xác định số thuế được hoàn của người nộp thuế. Số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn phải đảm bảo đã được khai thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo Điều kiện khấu trừ, hoàn thuế quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 1 Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Trong quá trình thực hiện kiểm tra thuế, thanh tra thuế, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này để có căn cứ xác định số tiền thuế giá trị gia tăng đủ Điều kiện hoàn của người nộp thuế.

3. Trong quá trình giải quyết hoàn thuế mà cơ quan thuế qua công tác kiểm tra, thanh tra thuế phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu vi phạm pháp luật và đã chuyển hồ sơ cho cơ quan công an Điều tra hoặc người nộp thuế bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu giữ sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ liên quan đến số thuế đề nghị hoàn thì cơ quan thuế phải thông báo cho người nộp thuế về việc hồ sơ chưa đủ Điều kiện hoàn thuế. Cơ quan thuế thực hiện giải quyết hoàn thuế khi có kết quả hoặc ý kiến của cơ quan công an hoặc của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi có đủ hồ sơ theo quy định.

#### **Bước 5: Đề xuất hoàn thuế**

1. Cơ quan thuế căn cứ kết quả xác định số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn, số tiền thuế giá trị gia tăng không được hoàn, số tiền thuế nợ phải bù trừ, số tiền thuế giá trị gia tăng còn được hoàn trả cho người nộp thuế, thực hiện lập đề xuất hoàn thuế và dự thảo Quyết định hoàn thuế (hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước), Thông báo về việc không được hoàn thuế (nếu có).

2. Cơ quan thuế phải tổ chức kiểm tra, cập nhật trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế đối với: hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, hồ sơ hoàn thuế, Biên bản kiểm tra hoàn thuế (nếu có), Quyết định về việc xử lý thuế qua thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế (nếu có), Phiếu đề xuất hoàn thuế, dự thảo Quyết định hoàn thuế (hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước), Thông báo về việc không được hoàn thuế (nếu có).

#### **Bước 6: Thẩm định hồ sơ hoàn thuế**

1. Cơ quan thuế tổ chức thẩm định hồ sơ hoàn thuế đối với: Phiếu đề xuất hoàn thuế, dự thảo Quyết định hoàn thuế (hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước), Thông báo về việc không được hoàn thuế (nếu có) trước



khi ban hành Quyết định hoàn thuế (hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước).

Thời hạn hoàn thành việc thẩm định hoàn thuế là: 01 (một) ngày làm việc đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau; 03 (ba) ngày làm việc đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau kể từ thời Điểm tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thẩm định.

2. Cục Thuế thực hiện thẩm định về thủ tục hoàn thuế, hồ sơ hoàn thuế, đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, thẩm quyền ban hành quyết định hoàn thuế và nội dung khác có liên quan.

a) Trường hợp qua thẩm định phát hiện vấn đề chưa rõ, chưa đầy đủ, cơ quan thuế phải tổ chức trao đổi, làm rõ giữa các bộ phận liên quan đến giải quyết hồ sơ hoàn thuế để thống nhất các nội dung liên quan đến thẩm định hoàn thuế trong thời hạn thẩm định hồ sơ hoàn thuế; hoặc từ chối thẩm định hồ sơ hoàn thuế đối với hồ sơ chưa đầy đủ, chưa cập nhật vào Hệ thống ứng dụng quản lý thuế theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

b) Trường hợp kết quả thẩm định xác định thủ tục hoàn thuế, hồ sơ hoàn thuế, đối tượng và trường hợp được hoàn thuế, thẩm quyền ban hành quyết định hoàn thuế phù hợp với quy định, cơ quan thuế thực hiện cập nhật kết quả thẩm định hoàn thuế giá trị gia tăng vào Hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

### **Bước 7: Giám sát hồ sơ hoàn thuế**

1. Căn cứ quy định nghiệp vụ về quản lý thuế, quy trình hoàn thuế, cơ sở dữ liệu về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế xây dựng hệ thống giám sát tự động việc giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng của cơ quan thuế phù hợp với từng giai đoạn hiện đại hoá hệ thống quản lý thuế đảm bảo đầy đủ, chính xác, đúng quy định về quản lý thuế.

2. Tổng cục Thuế thực hiện giám sát tự động đối với hồ sơ hoàn thuế trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế. Trong quá trình giám sát, trường hợp Hệ thống ứng dụng quản lý thuế xác định hồ sơ không đảm bảo các Điều kiện ban hành Quyết định hoàn thuế/ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước, Hệ thống ứng dụng quản lý thuế tự động thông báo rõ lý do và công việc phải thực hiện

tiếp theo để Cục Thuế căn cứ thực hiện hoặc thông báo cho người nộp thuế thực hiện.

3. Kết quả giám sát phải được cập nhật tự động vào Hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

### **Bước 8: Ban hành quyết định hoàn thuế**

1. Căn cứ kết quả thẩm định và giám sát hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này, Cục trưởng Cục Thuế xem xét ký ban hành Quyết định hoàn thuế (theo mẫu số 01/QĐ-HT)/ Quyết định hoàn kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước (theo mẫu số 02/QĐ-HT), Thông báo về việc không được hoàn thuế (theo mẫu số 02/HT-TB) quy định tại Thông tư 156/2013/TT-BTC Cục trưởng Cục Thuế chịu trách nhiệm về quyết định hoàn thuế theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn ban hành Quyết định hoàn thuế/ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước chậm nhất không quá 06 (sáu) ngày làm việc đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau; 40 (bốn mươi) ngày đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế.

3. Quyết định hoàn thuế được gửi cho người nộp thuế, cơ quan, tổ chức có liên quan. Trường hợp người nộp thuế thực hiện hoàn thuế điện tử, Quyết định hoàn thuế/ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước được gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định tại Điều 28 Thông tư 110/2015/TT-BTC.

### **Bước 9: Chi hoàn thuế cho người nộp thuế**

1. Căn cứ Quyết định hoàn thuế/ Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước, Cục Thuế thực hiện lập Lệnh hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước/ Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc ngày 10/1/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 759/QĐ-BTC ngày 16/4/2013 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 08/2013/TT-BTC) gửi Kho bạc nhà nước cấp tỉnh kèm theo Quyết định hoàn thuế/Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước.

Trường hợp người nộp thuế bù trừ số thuế được hoàn với số tiền thuế nợ của người nộp thuế khác theo quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 14 Thông tư này, cơ quan thuế lập Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước, trong đó ghi thông tin: tên người nộp thuế, mã số thuế của người nộp thuế được bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước để Kho bạc Nhà nước có căn cứ hạch toán thu ngân sách nhà nước.

2. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh tiếp nhận Quyết định hoàn thuế và Lệnh hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước (hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước và Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước) do Cục Thuế gửi đến, thực hiện các nội dung sau:

a) Đối chiếu Quyết định hoàn thuế và Lệnh hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước (hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước và Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước), đảm bảo thống nhất thông tin về số tiền, tên người nộp thuế được nhận tiền hoàn thuế, địa chỉ ngân hàng, thông tin về tài Khoản và ngân hàng; thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước.

b) Kiểm tra tính hợp pháp của Lệnh hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước/ Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước đảm bảo khớp đúng mẫu dấu, chữ ký (hoặc kiểm tra việc xác thực thành công chữ ký điện tử bằng hệ thống thông tin của Kho bạc Nhà nước) .

c) Thực hiện hoàn thuế cho người nộp thuế trong thời hạn chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lệnh hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước/ Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước do cơ quan thuế chuyển đến.

3. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh luân chuyển các liên chứng từ Lệnh hoàn trả Khoản thu ngân sách nhà nước/ Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ Khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 08/2013/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn thực hiện cho cơ quan thuế đồng cấp ngay trong ngày hạch toán hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo liền kề.

Trường hợp cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện trao đổi thông tin hạch toán hoàn thuế, hạch toán thu ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử

thì thực hiện theo quy định về giao dịch điện tử của Tổng cục Thuế và Kho bạc Nhà nước.

## ***1.2.2. Vai trò và yêu cầu của công tác quản lý hoàn thuế GTGT***

### ***1.2.2.1. Vai trò của công tác quản lý hoàn thuế GTGT***

Luật thuế GTGT được áp dụng đã phát huy được tính tự giác cao của người nộp thuế (NNT) bởi vì thuế GTGT yêu cầu các đối tượng nộp thuế tự khai, tự tính thuế theo đúng quy định. Đặc biệt, NNT phải thực hiện đầy đủ các chế độ hoá đơn, chứng từ ghi rõ số thuế GTGT đầu vào, đầu ra để cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ xét hoàn thuế cho mình. Khi nền kinh tế có sự chuyển đổi thì việc xét hoàn thuế GTGT đã có tác dụng lớn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khắc phục khó khăn khi kinh doanh không đạt hiệu quả như mong muốn.

Cơ chế thị trường đòi hỏi NNT phải rất năng động trong kinh doanh, tuy nhiên việc gặp khó khăn trong kinh doanh là điều không thể tránh khỏi. Chính vì vậy, việc hoàn thuế đã đóng góp một phần nhất định tạo điều kiện về tài chính khi NNT kinh doanh gặp khó khăn.

Bên cạnh đó, nếu các cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, nếu số thuế đầu vào của tài sản đầu tư đã tính khấu trừ lớn trên 300 triệu VNĐ thì được xét hoàn lại số thuế chưa được khấu trừ. Việc quy định như vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở kinh doanh trong quá trình đầu tư, mở rộng sản xuất, từ đó khuyến khích họ đầu tư mở rộng sản xuất phát triển.

Việc hoàn thuế GTGT còn góp phần khuyến khích xuất khẩu. Điều này được thể hiện như sau: Hàng hoá xuất khẩu được hưởng thuế suất thuế GTGT là 0% (tức là hoàn thuế đầu vào). Việc thực hiện hoàn thuế này đã góp phần cho NNT có điều kiện thuận lợi để cạnh tranh với hàng hoá trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, việc hoàn thuế GTGT còn thúc đẩy NNT thực hiện đầy đủ chế độ hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán, phần nào khuyến khích NNT tự giác trong việc tự kê khai, tự tính thuế, nâng cao ý thức của các doanh nghiệp, buộc họ phải thực hiện đúng quy trình thì mới được cơ quan có thẩm quyền xét hoàn thuế.

*Nói tóm lại*, việc hoàn thuế GTGT cho các doanh nghiệp đã tạo được rất nhiều thuận lợi trong quá trình kinh doanh, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, khuyến khích xuất khẩu hàng hoá, tạo được thế mạnh trên thị trường thế giới và

thúc đẩy việc mở rộng quan hệ kinh tế với các nước, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế hiện nay, nhất là trong điều kiện chúng ta đã gia nhập vào tổ chức thương mại thế giới.

#### *1.2.2.2. Yêu cầu của công tác quản lý hoàn thuế GTGT*

Để công tác hoàn thuế được thực hiện theo đúng quy định, phát huy tối đa các tác dụng của mình thì việc hoàn thuế GTGT phải được thực hiện theo đúng các yêu cầu cơ bản sau:

NNT phải tự giác trong việc tự kê khai, tự tính thuế, nâng cao ý thức của mình để làm sao đảm bảo hồ sơ hoàn thuế chính xác, đúng căn cứ và đúng quy định.

Cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế phải thận trọng xem xét các vấn đề như: hoá đơn, chứng từ; nếu có sự sai sót phải yêu cầu các đối tượng nộp thuế giải trình, bổ sung, hoàn thiện đầy đủ theo đúng yêu cầu đã quy định; nếu không có vấn đề gì sai sót thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành thực hiện hoàn thuế cho đối tượng theo đúng quy trình hoàn thuế GTGT.

Quá trình thực hiện hoàn thuế phải đảm bảo theo đúng quy trình, có như vậy công tác hoàn thuế GTGT mới bảo đảm chính xác, đúng yêu cầu và tránh được tình trạng gian lận trong việc lợi dụng hoàn thuế để chiếm đoạt tiền của Nhà nước.

Ngoài việc phân loại, giải quyết hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thuế phải thực hiện thanh, kiểm tra sau hoàn thuế trong vòng 01 năm kể từ ngày có quyết định hoàn thuế trước đối với các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh kê khai lỗ 02 (hai) năm liên tục liền kề trước năm có quyết định hoàn thuế hoặc có số lỗ vượt quá vốn chủ sở hữu tính đến năm liền kề trước năm có quyết định hoàn thuế. Số lỗ được xác định theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp; trường hợp có biên bản thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thì số lỗ được xác định theo kết luận thanh tra, kiểm tra.

- Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh thương mại, dịch vụ. Trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề tổng hợp không tách riêng được số thuế được hoàn từ hoạt động kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ mà có tỷ lệ doanh thu của hoạt động kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ trên tổng doanh thu của toàn bộ hoạt động sản xuất

kinh doanh của cơ sở sản xuất kinh doanh của kỳ phát sinh số thuế đề nghị hoàn từ trên 50% trở lên thì áp dụng kiểm tra sau hoàn trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.

- Cơ sở kinh doanh thay đổi trụ sở từ 02 (hai) lần trở lên trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày có quyết định hoàn thuế trở về trước;

- Cơ sở kinh doanh có sự thay đổi bất thường về doanh thu tính thuế và số thuế được hoàn trong giai đoạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế trở về trước.

- Các hãng vận tải nước ngoài đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Đối với trường hợp không thuộc trường hợp trên, việc kiểm tra sau hoàn thuế được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro trong thời hạn 10 (mười) năm, kể từ ngày có quyết định hoàn thuế.

### ***1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoàn thuế GTGT***

#### ***1.2.3.1. Nhân tố chủ quan (cơ quan thuế)***

Việc triển khai thực hiện các quy trình quản lý, các văn bản chỉ đạo của Tổng cục Thuế chưa được chú trọng, chưa phát huy được hiệu quả, cụ thể như:

Việc phối hợp quản lý, kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn của các doanh nghiệp giữa các bộ phận trong cơ quan thuế (bộ phận ấn chỉ, các bộ phận quản lý thuế) chưa có quy chế cụ thể, chưa đáp ứng đúng yêu cầu: nhanh, chính xác để phục vụ tốt cho công tác quản lý thuế nhất là đối với trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau, thời gian giải quyết chỉ có 6 ngày.

Sự phối hợp giữa các bộ phận quản lý thu với các bộ phận thanh tra - kiểm tra ở cơ quan thuế các cấp chưa chặt chẽ, mang tính rời rạc, riêng lẻ, dẫn đến thông tin và kết hợp kiểm tra khi phát hiện đối tượng nộp thuế có các hành vi khai gian lận, trốn thuế hoặc có hành vi không chấp hành các qui định của cơ quan thuế.... Không được phát hiện kịp thời, số lượng và chất lượng của các cuộc kiểm tra đạt hiệu quả chưa cao.

Chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra chưa được xây dựng và thực hiện tốt, nếu có thì cũng chưa rõ ràng, cụ thể, không có trọng tâm, trọng điểm.

Hoạt động thông tin, nối mạng giữa các cơ quan thuế còn hạn chế nên không

thể nắm được đầy đủ, kịp thời các hoạt động kinh doanh và tình hình nộp thuế của các doanh nghiệp khi cần thiết. Mặt khác, do công tác xác minh, đối chiếu hoá đơn giữa các địa phương hiện nay vẫn làm theo phương pháp thủ công (xác minh bằng văn thư), vì vậy không phát hiện kịp thời việc sử dụng các hoá đơn đã thông báo mất, thông báo hết hiệu lực sử dụng, hoá đơn mua bán bất hợp pháp...

Lực lượng kiểm tra, thanh tra về thuế còn mỏng, số doanh nghiệp tăng trưởng không ngừng nhưng số lượng cán bộ còn hạn chế. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì cơ quan thuế không có chức năng điều tra, từ đó việc quản lý, thanh tra, kiểm tra khi phát hiện có những dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan thuế không thể tiếp tục dùng các biện pháp cho việc điều tra, khai thác sâu hơn để kết luận sai phạm cụ thể, chỉ tiến hành kiểm tra được trên sổ sách, chứng từ kế toán do doanh nghiệp cung cấp do đó hạn chế đến kết quả thanh tra, kiểm tra.

Công tác thanh tra, kiểm tra hiện tại được thực hiện chỉ qua 1 khâu, các biên bản thanh tra, kiểm tra về thuế nếu không bị khiếu nại, tố cáo thì hầu như không được phúc tra (xem xét lại) nên dễ dẫn tới việc buông lỏng quản lý, sót nguồn thu hoặc dễ tạo điều kiện cho một số cán bộ thoái hoá thông đồng với doanh nghiệp gây thất thu NSNN.

#### *1.2.3.2. Nhân tố khách quan*

##### *\* Sự ổn định của chính sách thuế*

Các chính sách thuế của Nhà nước cũng ảnh hưởng không nhỏ tới công quản lý thuế nói chung và quản lý hoàn thuế GTGT nói riêng. Để tăng cường được hiệu quả của quản lý hoàn thuế GTGT thì các chính sách thuế cần phải đồng bộ, cơ cấu hợp lý và phù hợp với nền kinh tế thị trường. Chính sách thuế phải là công cụ quản lý và điều tiết nền kinh tế vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, đổi mới công nghệ ...

Các định hướng của Nhà nước trong việc xây dựng chính sách thuế phải có chiến lược lâu dài trong việc ưu đãi đầu tư, khuyến khích nhập khẩu, phải hoàn thiện ứng dụng quản lý hoàn thuế GTGT điện tử bởi đây là khâu quan trọng giúp quản lý hoàn thuế hiệu quả, nhanh chóng và chính xác.

Sự ổn định của chính sách thuế là cơ sở để công tác hoàn thuế được thiết lập và vận hành ổn định.

\* Sự phối hợp giữa các ngành, các cơ quan quản lý chưa đồng bộ, chưa tốt như:

Việc cấp giấy phép kinh doanh của cơ quan Bộ, Sở Đầu tư, UBND tỉnh, thành phố các cấp không gắn liền với việc kê khai đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế của các đơn vị với cơ quan thuế, từ đó nhiều doanh nghiệp tuy có quyết định thành lập nhưng địa điểm và hoạt động ở đâu, từ bao giờ, cơ quan thuế cũng như cơ quan ban hành quyết định thành lập doanh nghiệp cũng không tìm ra

Do việc Ngân hàng phải đảm bảo bí mật về thông tin và quyền lợi của người gửi tiền (chủ tài khoản) nên sự phối hợp giữa cơ quan thuế và ngân hàng trong việc thực hiện cưỡng chế để đảm bảo thu đủ tiền thuế vào NSNN của đối tượng nộp thuế theo qui định của pháp luật chưa được thực hiện.

Xử lý các hành vi vi phạm của các cơ quan chức năng còn chậm và chưa nghiêm là một nguyên nhân làm cho việc chiếm dụng tiền thuế ngày càng nghiêm trọng. Cụ thể là một số doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT bị cơ quan thuế và công an phát hiện có sự gian lận, nhưng cho đến nay vẫn chưa được xử lý dứt điểm với nhiều lý do như thiếu kinh phí, con người để điều tra, xác minh hoặc tội danh chưa rõ. Đối với những trường hợp đã bị xử lý thì mức phạt chưa nghiêm không có tác dụng răn đe, giáo dục.

Việc cưỡng chế thi hành các quyết định xử lý về thuế, về phạt có nhiều bất cập về lực lượng, tổ chức, các trình tự thủ tục cưỡng chế đảm bảo thu đủ tiền thuế, tiền phạt...

Công tác thống kê, khai thác thông tin kinh tế - xã hội trong công tác quản lý thu thuế bị coi nhẹ dẫn đến các cơ quan quản lý Nhà nước không nắm sát tình hình sản xuất kinh doanh ở địa phương nên khi kiểm tra không so sánh đối chiếu được thực lực, khả năng nguồn hàng của địa phương cung cấp để từ đó có cơ sở đối chiếu, đấu tranh với các hành vi sai phạm, cũng như hoạch định chính sách kinh tế của địa phương.

Về phía cơ quan pháp luật (Công an, Viện kiểm soát) do lực lượng cán bộ chưa nắm rõ và cập nhật đầy đủ các chính sách, chế độ, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuế, chưa quan tâm được nhiều tới việc bố trí lực lượng đủ mạnh để phối hợp thường xuyên với cơ quan thuế trong công tác điều tra xác định rõ hành vi sai phạm của các đối tượng trong lĩnh vực thuế để xử lý công khai kịp thời các tội phạm trốn



thuế, chiếm đoạt tiền thuế, nhằm giáo dục răn đe các đối tượng khác trong việc kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế.

Việc trao đổi thông tin, uỷ thác điều tra, xác minh giữa Việt Nam và các nước khác trong lĩnh vực thuế còn hạn chế.

*\* Các nhân tố khác:*

Một số tổ chức, cá nhân kinh doanh cố tình thực hiện các hành vi vi phạm qui định về quản lý, sử dụng hoá đơn. Một số người mua hàng thông đồng với người bán hàng để mua hoá đơn khống chỉ, nâng giá hàng cao hơn thực tế, lập hoá đơn khống (không có hàng hoá) để trốn thuế, để được khấu trừ, hoàn thuế, hợp lý hoá các khoản chi bất hợp pháp hoặc thanh toán tài chính trong các doanh nghiệp, các cơ quan thụ hưởng NSNN.

Một số tổ chức, cá nhân kinh doanh do hiểu biết không đầy đủ các qui định về quản lý, sử dụng hoá đơn nên đã vô tình có các hành vi vi phạm các qui định về quản lý, sử dụng hoá đơn trong mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thu tiền.

### **1.3. Kinh nghiệm của một số địa phương về công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng.**

#### **1.3.1. Kinh nghiệm của Cục Thuế Hà Nội**

Hà Nội là một trong những tỉnh/thành phố có số lượng hồ sơ hoàn thuế nhiều nhất cả nước, số lượng hồ sơ đã được hoàn năm 2019 là: 1.510 hồ sơ, tương ứng với số tiền là 7.075 tỷ đồng, trong đó hồ sơ hoàn thuế xuất khẩu và dự án đầu tư là 1.081 hồ sơ, với số tiền được hoàn là 6.740 tỷ, nhưng số lượng hồ sơ chưa đủ thủ tục, không được hoàn, không thuộc trường hợp hoàn cũng chiếm tỷ lệ tương đối cao gần 25%, trong đó chủ yếu là NNT kê khai sai, sử dụng hóa đơn không đúng quy định.

Xác định rõ nguyên nhân, giải pháp Cục Thuế thành phố Hà Nội đã chủ động triển khai nhiều giải pháp để tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như :

Phối hợp với cơ quan hải quan trao đổi thông tin liên quan đến các doanh nghiệp xuất khẩu có dấu hiệu rủi ro cao về thuế và hải quan, cập nhật trên hệ thống cơ sở thông tin, dữ liệu đối với hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới đất liền; xác nhận hàng hóa thực xuất khẩu phù hợp với hợp đồng xuất khẩu, đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất của các chỉ tiêu trên tờ khai hải quan và hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu doanh nghiệp giải trình trên cơ sở đó tổ chức kiểm tra chặt chẽ, đầy đủ, toàn diện trước khi hoàn thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế.

Từ đầu năm 2017, Thực hiện công văn số 3254/TCT-KK ngày 28/12/2016 của Tổng Cục Thuế, Cục Thuế thành phố Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu trong áp dụng hoàn thuế GTGT bằng phương thức điện tử, không gây phiền hà, chậm trễ cho doanh nghiệp, việc đăng ký hoàn thuế điện tử được thực hiện nhanh chóng, thuận tiện tạo thuận lợi rất nhiều cho doanh nghiệp; giảm tiếp xúc giữa NNT và cán bộ giải quyết hồ sơ, tránh những tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Kết quả tiếp nhận, giải quyết cũng được trả thông báo qua điện tử. Vì vậy, 100% hồ sơ hoàn thuế GTGT trên địa bàn thành phố Hà Nội đã áp dụng hình thức hoàn điện tử, đối với những hồ sơ hoàn thuế trước kiểm tra sau đảm bảo yêu cầu sau 6 ngày làm việc là có kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Trong trường hợp hồ sơ chưa đủ thủ tục, tạm dừng giải quyết đều được trả kết quả đến NNT kịp thời và nhanh nhất để NNT giải trình, bổ sung thông tin.

### ***1.3.2. Kinh nghiệm của Cục Thuế Bắc Ninh***

Cùng với Hà Nội, Bắc Ninh có số lượng hồ sơ được hoàn năm 2019 là 425 và số tiền thuế chi hoàn là 5.677 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoàn xuất khẩu và đầu tư. Do vậy Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh luôn tăng cường quản lý công tác hoàn thuế GTGT như rà soát, phân loại các doanh nghiệp rủi ro cao về thuế, doanh nghiệp xuất khẩu nông lâm thủy, hải sản, doanh nghiệp có giao dịch liên kết nhiều với các doanh nghiệp nước ngoài để tập trung kiểm tra. Cục Thuế đẩy mạnh việc đối chiếu chéo hóa đơn của các doanh nghiệp nhằm ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

Bên cạnh đó, phối hợp với cấp ủy chính quyền các địa phương, các cơ quan trung ương, đặc biệt là cơ quan công an, cảnh sát điều tra để điều tra, khởi tố đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận hoàn thuế GTGT.

### ***1.3.3. Bài học kinh nghiệm cho Vĩnh Phúc trong công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.***

Từ thực tế công tác quản lý hoàn thuế gia tăng ở Vĩnh Phúc có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Vĩnh Phúc trong lĩnh vực này. Đó là:

*Thứ nhất, Phối hợp các cơ quan Thuế và với các cơ quan bên ngoài có liên quan.*

Bên cạnh việc giải quyết hoàn thuế GTGT nhanh chóng, kịp thời theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế về hoàn thuế, tạo điều kiện giúp doanh nghiệp quay vòng vốn nhanh, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng vốn, cơ quan Thuế còn tăng cường kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế và phối hợp với các cơ quan liên quan như Ngân hàng, Hải quan, Cơ quan cảnh sát điều tra để phát hiện kịp thời những trường hợp có dấu hiệu rủi ro cao về thuế, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để ngăn chặn kịp thời và xử lý vi phạm, thu hồi đầy đủ số tiền hoàn thuế gian lận vào NSNN.

*Thứ hai, cập nhật nhanh, kịp thời các quy định cũng như thông tin về thuế đối với đơn vị chuyên môn và với doanh nghiệp.*

Việc bỏ bảng kê mua hàng bán ra khi gửi hồ sơ khai thuế cũng là một khó khăn, thách thức cho Cơ quan thuế khi thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT. Do vậy, cơ sở thông tin ngành thuế về các đơn vị hoàn thuế cần phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời.

Đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thường có nhiều giao dịch liên kết với nhiều doanh nghiệp nước ngoài, giao dịch giữa các công ty có mẹ - con, hoạt động xuất khẩu thương mại do vậy cần tăng cường trao đổi thông tin, kiểm tra trong cùng ngành về các doanh nghiệp liên kết, phối hợp với hải quan kiểm tra, thanh tra những doanh nghiệp xuất khẩu có dấu hiệu rủi ro trong hoàn thuế.

*Thứ ba, kiểm soát chặt chẽ số chi hoàn thuế GTGT, đảm bảo việc hoàn thuế đúng đối tượng, theo đúng chính sách pháp luật của nhà nước*

Xây dựng dự toán hoàn hàng năm sát với thực tế, thông tin các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới được cấp phép từ Ban quản lý khu công nghiệp, Sở kế hoạch đầu tư được cập nhật liên tục, từ đó có thể kiểm soát được số thuế GTGT đầu vào của dự án được hoàn không vượt quá 10% số vốn đã đăng ký đầu tư.

Trước khi giải quyết hoàn đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, cần xác định rõ nước xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu nào, có xuất khẩu hàng hóa qua cửa khẩu phụ, đường mòn, lối mở biên giới hay không.

Đối với hoàn thuế GTGT dự án đầu tư, cần tăng cường kiểm tra quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai, nếu chưa đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan, chưa đủ điều kiện hoàn thuế đối với dự án đầu tư thì cũng không giải quyết hoàn thuế.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Chương 1 của luận văn đã trình bày những cơ sở lý luận về quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Luận văn tập trung làm rõ cơ sở lý luận về sự cần thiết tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT trong bối cảnh có sự phát triển nhanh chóng về số lượng NNT nói chung và số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng, sự đa dạng về hình thức kinh doanh và mức độ phức tạp trong các giao dịch kinh tế có liên quan đến thuế; đặc biệt, công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tăng cao.

Luận văn trình bày các nội dung của quản lý hoàn thuế GTGT gồm đối tượng và các trường hợp được hoàn thuế GTGT; nội dung và phương pháp hoàn thuế GTGT; tác dụng và các yêu cầu của công tác hoàn thuế GTGT.

Luận văn nghiên cứu và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến công tác hoàn thuế GTGT, đó là: (1) Nhân tố chủ quan (cơ quan thuế) như: sự phối hợp giữa các bộ phận quản lý, trình độ chuyên môn, kỹ năng khai thác phần mềm ứng dụng CNTT của cán bộ thuế. (2) Nhân tố khách quan như: sự ổn định của chính sách thuế; sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý chưa đồng bộ, chưa tốt.

Luận văn đưa ra thực tiễn công tác hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại một số địa phương có số lượng doanh nghiệp FDI lớn và số tiền chi hoàn cao như: Hà Nội, Bắc Ninh, là kinh nghiệm cho Vĩnh Phúc trong lĩnh vực này như: kiểm tra chéo hóa đơn, tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý như: Hải quan, Ngân hàng, Kho bạc, Sở kế hoạch đầu tư.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC

### **2.1. Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Vĩnh Phúc:**

#### **2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Tỉnh Vĩnh Phúc thuộc Đồng bằng Bắc Bộ, là vùng đồng bằng có trung du và miền núi. Phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và Tuyên Quang, phía Nam giáp tỉnh Hà Tây, phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ, phía Đông giáp thủ đô Hà Nội. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 1.370,73km<sup>2</sup>.

Nằm ở khu vực chuyển tiếp giữa đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ với các tỉnh trung du miền núi phía Bắc và xa hơn là với Trung Quốc, Vĩnh Phúc chịu sự tác động rất lớn của quá trình phát triển vùng, có nhiều thuận lợi trong giao lưu trao đổi hàng hóa và phát triển các loại hình dịch vụ.

Vĩnh Phúc nằm trên trục quốc lộ 02 và tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, liền kề với sân bay quốc tế Nội Bài, nằm ở điểm đầu trục giao thông đường sắt và đường bộ Đông - Tây từ trung tâm miền Bắc thông ra cảng Hải Phòng và cảng nước sâu Cái Lân (Qua đường quốc lộ 05 và trục đường 18 - đường cao tốc cho 06 làn xe). Ở vị trí này rất tiện lợi về giao thông tỏa đi khắp mọi miền đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để Vĩnh Phúc phát triển kinh tế, như phát triển các khu công nghiệp và ngành công nghiệp xuất khẩu. Vĩnh Phúc có đường vận tải thông qua các cảng biển và sân bay thuận lợi.

Về địa hình: Là khu vực có đất đai bằng phẳng, có nguồn nhân lực dồi dào, có truyền thống trồng lúa nước lâu đời, là vùng có tiềm năng để phát triển nông nghiệp. Vùng trung du có diện tích đất tự nhiên là 24,9 nghìn ha; vùng núi có diện tích là 65,3 nghìn ha. Vùng trung du và miền núi có nhiều hồ nước; có hồ lớn như Đại Lải, Xạ Hương, Vân Trục, Liễn Sơn, Đầm Vạc - đó là những địa điểm có tiềm năng đa dạng, vừa là nơi cung cấp nước cho phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, vừa là nơi để xây dựng các khu du lịch, thể thao.

Về khí hậu: Vĩnh Phúc nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm,

được chia thành 4 mùa, trong đó có 02 mùa rõ rệt: mùa nóng từ tháng 4 đến tháng 11 và mùa lạnh từ tháng 12 đến tháng 3.

Về kinh tế: Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế năm 2019 tỉnh Vĩnh Phúc đạt mức tăng 8,05% so với cùng kỳ năm trước, thu ngân sách tăng cao vượt dự toán, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát.

Năm 2019, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, tổ chức gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp, tổ chức các cuộc xúc tiến đầu tư... lũy kế đến hết năm 2019, toàn tỉnh có 291 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký là 3,9 tỷ USD, 206 dự án FDI đã đi vào hoạt động.

*(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2019)*

### **2.1.2. Đặc điểm văn hóa - xã hội**

Đồng thời với sự phát triển kinh tế của tỉnh, đời sống văn hóa - xã hội hoàn toàn khởi sắc, đời sống nhân dân được nâng cao. Các hoạt động văn hóa, xã hội diễn ra sôi nổi.

Năm 2019, thành phố Vĩnh Yên có 85% làng, khu phố đạt chuẩn văn hóa với 95% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Hàng năm, hệ thống trường học được quy hoạch, đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy, học được trang bị hiện đại, tỷ lệ phòng học kiên cố ở bậc học tiểu học, THCS, THPT đạt 100%; đặc biệt, có tới 70% trường học đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ giáo viên đã được đào tạo theo hướng chuẩn hóa; thiết lập trật tự, kỷ cương trong nhà trường.

Chất lượng giáo dục, giáo dục toàn diện các cấp học đã không ngừng phát triển, nhiều thay đổi phù hợp với xu thế phát triển của xã hội trên nhiều phương diện. Chất lượng chăm sóc trẻ trong các nhà trường tiếp tục có chuyển biến tốt và đạt kết quả cao: tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 2,5%, thấp còi là 5,8% (MTKH: dưới 10%); Chất lượng giáo dục mũi nhọn (HSG) cấp tiểu học đã đạt mục tiêu, cấp trung học cơ sở tiếp tục duy trì và có bước tiến dài, cấp trung học phổ thông tỷ lệ đỗ đại học tập cao trong cả nước.

Mạng lưới y tế từ tỉnh xuống thành phố, huyện và cơ sở được củng cố và

tăng cường cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ y bác sỹ. Các chương trình mục tiêu quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được triển khai có hiệu quả, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, đáp ứng nhu cầu về các dịch vụ y tế cơ bản của mọi người dân. Công tác quản lý nhà nước về y tế được tăng cường, công tác xã hội hoá y tế được đẩy mạnh. Công tác y tế dự phòng được chú trọng; Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh sởi, dịch bệnh do virus Ebola, Rubella và các dịch bệnh nguy hiểm khác. Công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt trên 95%. Công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố cơ bản được đảm bảo.

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc đang trên con đường đổi mới; tạo ra nhiều lợi thế để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, từ đó dẫn đến số lượng các nhà đầu tư, các doanh nghiệp tăng cao, đòi hỏi cần phải tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý thuế nói chung và quản lý kiểm tra thuế nói riêng

## **2.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý thuế tại địa bàn và tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.**

### **2.2.1. *Khái quát về Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:***

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập từ ngày 01/01/1997 cùng với sự tái lập của tỉnh Vĩnh Phúc (theo Quyết định số 1132/QĐ – BTC ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của Ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trong hơn một thập kỷ qua, cơ cấu tổ chức bộ máy của ngành Thuế Vĩnh Phúc liên tục có sự thay đổi phù hợp với việc thay đổi đơn vị hành chính cấp huyện và đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện các Luật thuế mới, yêu cầu cải cách và hiện đại hoá công tác quản lý thuế. Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục thuế Vĩnh Phúc gồm 13 Phòng chức năng, 05 Chi cục thuế Khu vực với trên 500 CBCC. Trong đó cán bộ nữ chiếm khoảng 33% ; 68,4% CBCC là Đảng viên ; trên 57% CBCC có trình độ Đại học và trên Đại học, thông hiểu về chính sách thuế, thủ tục hành chính thuế, các quy trình nghiệp vụ, có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong thực thi công vụ, luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1997 đến năm 2019, Cục Thuế Vĩnh Phúc liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, số thu NSNN năm sau cao hơn năm trước, cải cách và hiện đại hoá công tác quản lý thuế không ngừng được đẩy mạnh góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

### **2.2.2. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý thuế tại địa bàn**

#### **2.2.2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn:**

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc là cơ quan trực thuộc Tổng cục Thuế, có chức năng tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là thuế) thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật quản lý thuế, các luật thuế, các quy định pháp luật khác có liên quan. Một số nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế trên địa bàn tỉnh, thành phố;

2. Phân tích, tổng hợp, đánh giá công tác quản lý thuế; tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về lập dự toán thu ngân sách Nhà nước, về công tác quản lý thuế trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Quản lý thông tin về người nộp thuế; xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin về người nộp thuế;

4. Thực hiện nhiệm vụ cải cách hệ thống thuế theo mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, công khai hoá thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ quản lý thuế và cung cấp thông tin để tạo thuận lợi phục vụ cho người nộp thuế thực hiện chính sách, pháp luật về thuế;

5. Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố;

6. Tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ người nộp thuế trên địa bàn thực hiện



nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật;

7. Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm được giao, các biện pháp nghiệp vụ quản lý thuế; trực tiếp thực hiện việc quản lý thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế theo quy định của pháp luật và các quy định, quy trình, biện pháp nghiệp vụ của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế;

8. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các Chi cục Thuế trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ quản lý thuế;

9. Trực tiếp thanh tra thuế, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật về thuế đối với người nộp thuế; tổ chức và cá nhân quản lý thu thuế; tổ chức được uỷ nhiệm thu thuế thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng Cục Thuế.

10. Tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ của cơ quan thuế, của công chức thuế thuộc thẩm quyền quản lý của Cục trưởng Cục Thuế.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chấp hành trách nhiệm công vụ của cơ quan thuế, công chức thuế thuộc quyền quản lý của Cục trưởng Cục thuế theo quy định của pháp luật; Xử lý vi phạm hành chính về thuế, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng pháp luật thuế.

12. Tổ chức thực hiện thống kê, kế toán thuế, quản lý biên lai, ấn chỉ thuế; lập báo cáo về tình hình kết quả thu thuế và báo cáo khác phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên, của Ủy ban nhân dân đồng cấp và các cơ quan có liên quan; tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác của Cục Thuế;

13. Kiến nghị với Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy định của Tổng cục Thuế về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nội bộ; kịp thời báo cáo với Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về những vướng mắc phát sinh, những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Cục Thuế;

14. Quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định miễn, giảm, hoàn thuế, gia hạn thời hạn khai thuế, gia hạn thời hạn nộp tiền thuế, truy thu tiền thuế, xoá nợ tiền thuế, miễn xử phạt tiền thuế theo quy định của pháp luật;

15. Được quyền yêu cầu người nộp thuế, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức,

cá nhân có liên quan cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho việc quản lý thu thuế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với cơ quan thuế để thu thuế vào ngân sách Nhà nước;

16. Được quyền ấn định thuế, thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo qui định của pháp luật; được quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với người nộp thuế vi phạm pháp luật thuế;

17. Bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế; giữ bí mật thông tin của người nộp thuế; xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế;

18. Giám định để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

19. Tổ chức tiếp nhận và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại vào các hoạt động của Cục Thuế;

20. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động của Cục Thuế; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức của Cục Thuế theo quy định của nhà nước và của ngành;

21. Quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế và kinh phí, tài sản được giao theo quy định của pháp luật;

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

#### *2.2.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy*

##### **a. Tổ chức bộ máy**

Tổng số 132 cán bộ, công nhân viên chức, người lao động

+ Ban lãnh đạo Cục Thuế: 03 người

1. Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế.

2. Phòng kê khai và kế toán thuế .

3. Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

4. Phòng Thanh tra kiểm tra thuế 1.

5. Phòng Thanh tra kiểm tra thuế 2.

6. Phòng Thanh tra kiểm tra thuế 3.

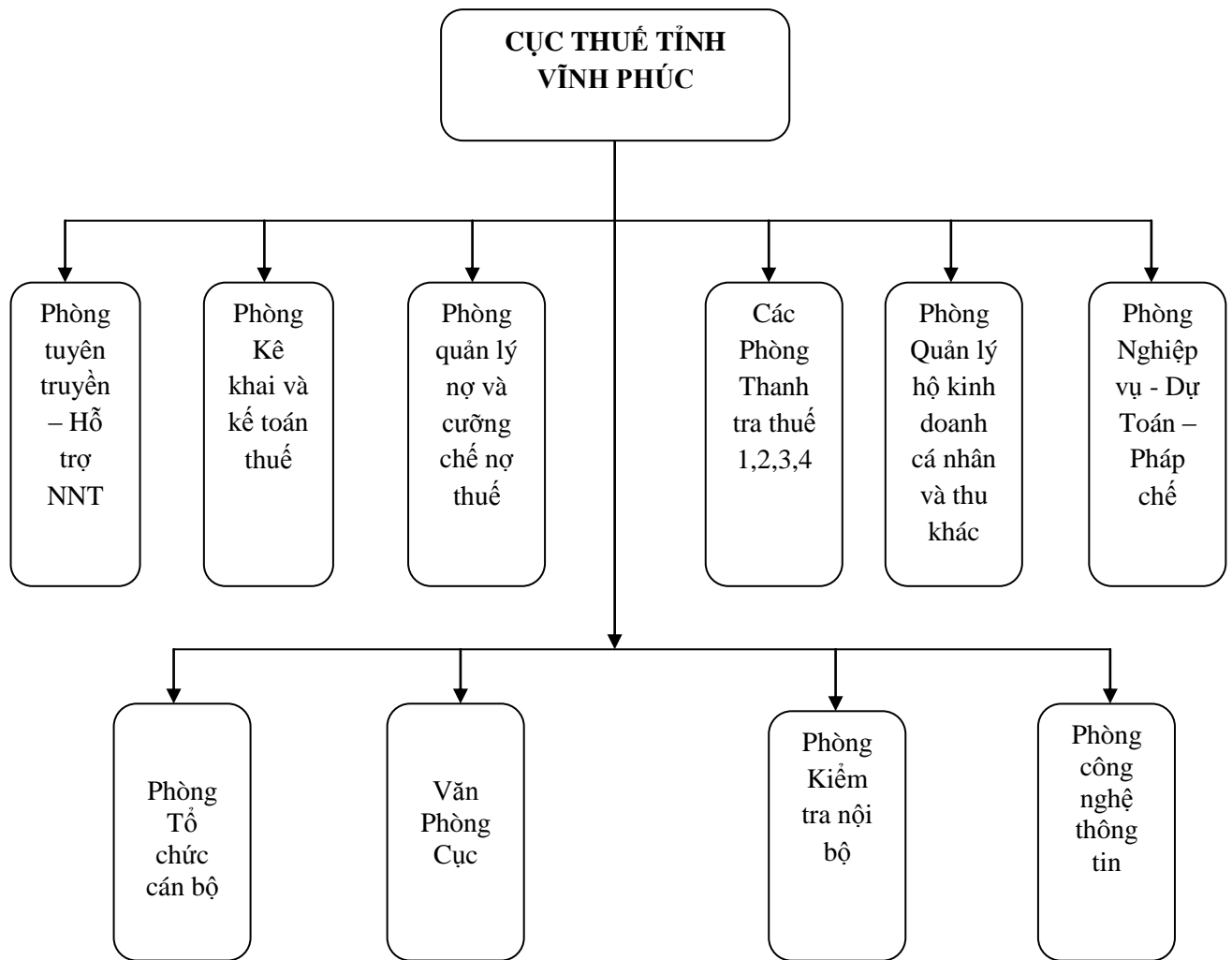
7. Phòng Thanh tra kiểm tra thuế 4.

8. Phòng Quản lý hộ kinh doanh cá nhân và thu khác.
9. Phòng Nghiệp vụ - Dự Toán – Pháp chế.
10. Phòng Kiểm tra nội bộ.
11. Phòng Tổ chức cán bộ.
12. Văn Phòng Cục.
13. Phòng Công nghệ thông tin.

Lãnh đạo Cục Thuế gồm: Cục trưởng và 02 Phó Cục trưởng. Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Tổng cục Thuế về toàn bộ hoạt động của Cục Thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong phạm vi quyền hạn được giao. Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Cục trưởng về việc ký thay Cục trưởng đối với các quyết định, các văn bản chỉ đạo thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách. Trường hợp cần có ý kiến của Cục trưởng thì Phó Cục trưởng phải báo cáo Cục trưởng kịp thời để giải quyết.

Thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc Cục trưởng gồm: 02 Phó Cục trưởng và 13 phòng thuộc Văn phòng Cục Thuế tỉnh; hoạt động của các Đội thuế thực hiện theo Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế.

Cơ cấu tổ chức của Cục Thuế được thể hiện tại Sơ đồ:



(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2019)

### **b. Tình hình nhân sự**

Số cán bộ, công chức trong Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc có xu hướng tăng lên qua các năm và chất lượng đội ngũ công chức thuế không ngừng được nâng lên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và trình độ lý luận chính trị. Các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thuế đã được ngành Thuế và Cục Thuế luôn quan tâm tổ chức để đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng được yêu cầu cải cách công tác quản lý thuế trong từng giai đoạn.

**Bảng 2.1. Biểu nguồn nhân lực của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.**

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1. Tổng số CBCC	501	100	444	100	428	100
2. Trình độ chuyên môn						
Trình độ thạc sĩ	85	17.0	119	26.8	132	30.8
Trình độ đại học	302	60.3	269	60.6	249	58.2
Trình độ Cao đẳng	66	13.2	0	0.0	5	1.2
Trình độ Trung cấp	48	9.6	56	12.6	42	9.8

(Nguồn: Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2019)

Tổng số cán bộ công chức, viên chức ngành thuế năm 2019 là: 428 cán bộ, trong đó cán bộ công chức làm việc tại Văn phòng Cục Thuế là 132 cán bộ, số cán bộ công chức còn lại làm việc tại Chi cục Thuế khu vực.

### 2.2.3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước

Kết quả thu thuế, phí của Cục Thuế được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 2.2. Kết quả thu thuế, phí của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

Diễn giải	Số lượng (tỷ đồng)			So sánh (%)		
	2017	2018	2019	2018/2017	2019/2018	Bình quân
<b>1. Thu thuế</b>	<b>21,695</b>	<b>24,450</b>	<b>25,598</b>	<b>112.70</b>	<b>104.70</b>	<b>108.7</b>
Thuế GTGT	4,578	4,321	5,008	94.39	115.90	105.1
Thuế TNDN	4,292	6,744	5,381	157.13	79.79	118.5
Thuế TTĐB	11,915	12,321	13,838	103.41	112.31	107.9
Thuế Tài nguyên	28	30	25	107.14	83.33	95.2
Thuế BVMT	347	366	493	105.48	134.70	120.1
Thuế Thu nhập cá nhân	535	668	853	124.86	127.69	126.3
<b>2. Thu phí, lệ phí</b>	<b>180</b>	<b>482</b>	<b>577</b>	<b>267.78</b>	<b>119.71</b>	<b>193.7</b>
<b>3. Thu khác</b>	<b>2,924</b>	<b>2,934</b>	<b>4,409</b>	<b>100.34</b>	<b>150.27</b>	<b>125.3</b>
<b>Cộng</b>	<b>24,619</b>	<b>27,866</b>	<b>30,584</b>	<b>113.19</b>	<b>109.75</b>	<b>111.5</b>

(Nguồn tài liệu: Báo cáo kết quả thu NSNN hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Dự toán thu NSNN hàng năm trên địa bàn được Trung ương giao tăng bình quân 22,5%, thêm vào đó trong lúc tình hình kinh tế trong nước nói chung, tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng gặp rất nhiều khó khăn phụ thuộc rất nhiều vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đầu năm 2019, sản lượng xe ô tô nhập khẩu của Honda và Toyota tăng rất cao so với năm 2018 làm ảnh hưởng tăng số thu NSNN của các doanh nghiệp FDI trên địa bàn;

Từ tháng 6/2019, Công ty Toyota bắt đầu quay trở lại sản xuất xe Fortuner nhưng chỉ sản xuất 3 phiên bản máy dầu và một phiên bản máy xăng, còn lại vẫn thực hiện nhập khẩu xe Fortuner phiên bản máy xăng khác từ Thái Lan, mặt khác Toyota dừng sản xuất trong nước xe Camry để chuyển sang nhập khẩu từ tháng 05/2019. Do đó, dự kiến số thuế TTĐB thu được từ sản xuất xe Fortuner năm 2019 là 1.105 tỷ, đây là cơ sở để ước thu hoàn thành vượt mức dự toán năm 2019.

### **2.3. Tổng quan về các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

#### ***2.3.1. Số lượng, cơ cấu doanh nghiệp toàn tỉnh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài***

Trong những năm gần đây với lợi thế địa lý chiến lược, cơ chế, chính sách của UBND tỉnh về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và đặc biệt tạo điều kiện thúc đẩy phong trào khởi nghiệp đã được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ và quyết liệt. Cơ sở hạ tầng tại nhiều cụm, khu công nghiệp tiếp tục chú trọng tập trung hoàn thiện vì vậy đã thu hút được các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể đến hết năm 2019 Vĩnh Phúc đã có hơn 9.500 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh với số vốn đăng ký trên 119 nghìn tỷ đồng.

*\* Số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện ở bảng sau:*

### **Bảng 2.3. Số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

(Nguồn: Thống kê số lượng doanh nghiệp đăng ký thuế

STT	Diễn giải	Số lượng DN			So sánh (%)		
		2017	2018	2019	2018/ 2017	2019/ 2018	BQ
	<b>Tổng toàn tỉnh</b>	<b>7,687</b>	<b>8,448</b>	<b>9,541</b>	<b>109.9</b>	<b>112.9</b>	<b>111</b>
1	Văn phòng cục	1,182	1,357	2,047	114.8	150.8	132.8
2	Thành phố Vĩnh Yên	2,021	2,190	2,264	108.4	103.4	105.9
3	Thành phố Phúc Yên	879	941	990	107.1	105.2	106.1
4	Huyện Lập Thạch	411	450	488	109.5	108.4	109.0
5	Huyện Sông Lô	257	287	320	111.7	111.5	111.6
6	Huyện Bình Xuyên	741	812	906	109.6	111.6	110.6
7	Huyện Vĩnh Tường	853	937	984	109.8	105.0	107.4
8	Huyện Tam Dương	428	492	491	115.0	99.8	107.4
9	Huyện Tam Đảo	274	290	305	105.8	105.2	105.5
10	Huyện Yên Lạc	641	692	746	108.0	107.8	107.9

tại tỉnh Vĩnh Phúc qua các năm)

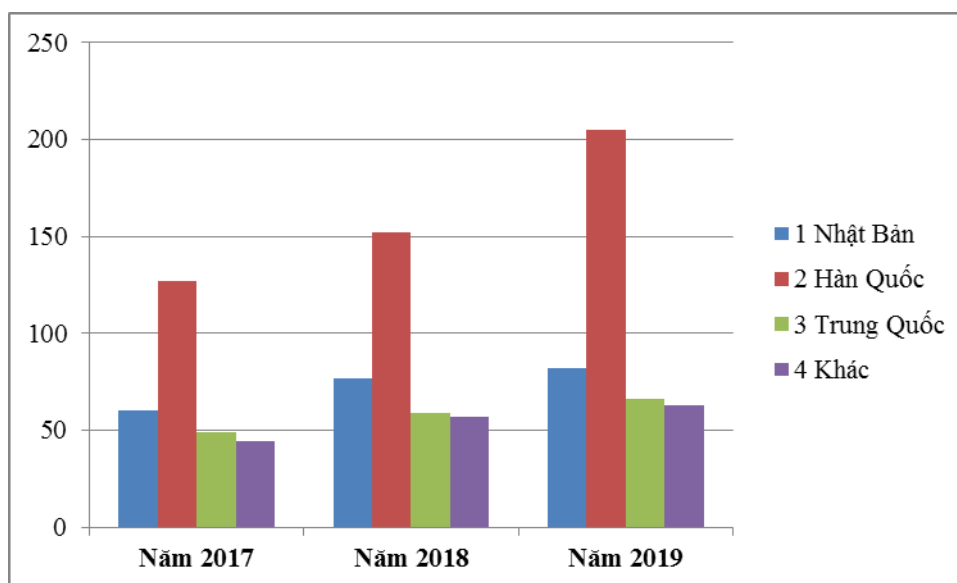
Qua bảng tổng hợp số liệu trên cho thấy số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc tăng qua các năm điển hình là tăng mạnh các doanh nghiệp thuộc văn phòng Cục Thuế quản lý và các doanh nghiệp do CCT thành phố Vĩnh Yên quản lý.

Trên địa bàn Vĩnh Phúc có tổng số trên 9.500 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tính đến năm 2019 là 416 doanh nghiệp như sau:

### **Bảng 2.4. Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Quốc gia tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

STT	Quốc gia	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)	
					2018/2017	2019/2018
	<b>Tổng số DN</b>	<b>280</b>	<b>345</b>	<b>416</b>	<b>123</b>	<b>121</b>
1	Nhật Bản	60	77	82	128	106
2	Hàn Quốc	127	152	205	120	135
3	Trung Quốc	49	59	66	120	112
4	Khác	44	57	63	130	111

(Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình doanh nghiệp hàng năm)



**Biểu đồ 2.1. Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Quốc gia tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

Trong giai đoạn 2017-2019, tổng số các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc tăng, đặc biệt năm 2019 tăng 121% so với năm 2018, trong đó các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Hàn Quốc chiếm tỷ trọng lớn và tăng cao qua các năm, do đây là các doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử cho các hãng điện tử lớn như: Sam sung, Nagakawa...

Sự gia tăng về số lượng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc do có nhiều chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, hỗ trợ về mặt bằng để các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đòi hỏi Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc phải có nhiều biện pháp phù hợp để đáp ứng tốt yêu cầu quản lý.

*\* Cơ cấu doanh nghiệp*

**Bảng 2.5. Phân loại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	Số DN	%	Số DN	%	Số DN	%
<b>Khu vực Nhà nước</b>	<b>1,300</b>	<b>16.91</b>	<b>1,280</b>	<b>15.15</b>	<b>1,362</b>	<b>14.28</b>
Doanh nghiệp nhà nước Trung ương	59	0.77	62	0.73	60	0.63
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	20	0.26	18	0.21	18	0.19
Đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang	1,206	15.7	1,180	13.97	1,167	12.23
Tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị	8	0.10	11	0.13	13	0.14



Khác	7	0.09	9	0.11	104	1.09
<b>Khu vực kinh tế có vốn ĐTNN</b>	<b>280</b>	<b>3.64</b>	<b>345</b>	<b>4.08</b>	<b>416</b>	<b>4.36</b>
Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài	250	3.25	315	3.73	385	4.04
Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài	30	0.39	30	0.36	31	0.32
<b>Khu vực kinh tế Ngoài quốc doanh</b>	<b>6,107</b>	<b>79.45</b>	<b>6,823</b>	<b>80.76</b>	<b>7,763</b>	<b>81.36</b>
Công ty TNHH	4,033	52.47	4,632	54.83	5,191	54.41
Công ty cổ phần	1,574	20.48	1,714	20.29	2,108	22.09
Doanh nghiệp tư nhân	251	3.27	215	2.54	182	1.91
Công ty hợp danh	5	0.07	5	0.06	8	0.08
Hợp tác xã	244	3.17	257	3.04	274	2.87
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,687</b>	<b>100</b>	<b>8,448</b>	<b>100</b>	<b>9,541</b>	<b>100</b>

*(Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình các doanh nghiệp hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)*

Qua bảng thống kê phân loại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cho thấy số lượng doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ, quy mô nhỏ.

Các đơn vị có vốn lớn, quy mô sản xuất rộng, có khả năng trang bị máy móc thiết bị tốt nhằm cải tiến nâng cao năng lực sản xuất nhưng chủ yếu là chi nhánh đóng trên địa bàn và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Đội ngũ lãnh đạo ở trình độ cao, hầu hết các Giám đốc, kế toán trưởng đều có trình độ Đại học, có ý thức cao trong việc chấp hành các chế độ, chính sách do Nhà nước quy định.

Đội ngũ cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao, thường xuyên được tiếp xúc và nắm bắt các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

\* Đối với bộ phận quốc doanh địa phương:

Bộ phận này nói chung cơ sở vật chất còn nghèo nàn, máy móc thiết bị cũ kỹ, chậm đổi mới do vốn đầu tư từ Ngân sách còn eo hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu bổ sung vốn và đầu tư theo chiều sâu của mỗi doanh nghiệp...

Trình độ quản lý của bộ phận này cũng còn nhiều hạn chế, đội ngũ công nhân chủ yếu là làm gia công, làm hợp đồng do trình độ tay nghề và kinh nghiệm sản xuất còn yếu kém.

\* Đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh (NQD)

Quy mô và năng lực hoạt động chưa cao, chủ yếu là mới thành lập, đội ngũ kế toán còn yếu, trang thiết bị đơn giản, kế toán thủ công là chủ yếu.

\* Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Tuy số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ (chỉ hơn 4,4%) trên tổng số doanh nghiệp, nhưng vốn đầu tư, quy mô, các sản phẩm lại chiếm đa số, chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực linh kiện điện tử và sản xuất, gia công; góp phần lớn vào số thu ngân sách hàng năm của tỉnh (hơn 70%).

Ngành nghề sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đơn lẻ theo từng loại hình doanh nghiệp:

Đối với khu vực doanh nghiệp Nhà nước hầu hết được hình thành từ thời bao cấp, sau khi chuyển đổi sang cổ phần hóa, hoạt động của doanh nghiệp được đa dạng ngành nghề hơn, tuy nhiên các ngành nghề truyền thống vẫn được duy trì chủ yếu là lĩnh vực thương mại, hàng nông sản, thực phẩm.

Đối với khu vực kinh tế Ngoài Quốc doanh có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, ngành nghề, lĩnh vực phát triển đa dạng đủ mọi loại hình kinh doanh, nhưng phát triển mạnh vẫn là ngành xây dựng, công nghiệp phụ trợ.

Đối với Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc không ngừng tăng qua các năm chủ yếu hoạt động đầu tư vào lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử (Công ty BHFLEX Vina, Interflex Vina), sản xuất xe có động cơ (Toyota, Honda, Piaggio).

### **2.3.2. Doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

**Bảng 2.6. Doanh thu bình quân 01 doanh nghiệp tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

Diễn giải	Số lượng (tỷ đồng)			So sánh (%)		BQ
	2017	2018	2019	2018/2017	2019/2018	
<b>1. Theo qui mô:</b>						
- Nhỏ	6	8	11	133	137	135,0
- Vừa	134	145	151	108	104	106,0
- Lớn	700	1.134	1.200	162	106	134
<b>2. Theo nguồn vốn đầu tư</b>						
- Trong nước	714	616	754	86	122	102,4
- Nước ngoài (FDI)	511	867	1.325	167	153	159,8
<b>3. Theo ngành nghề SX</b>						
- Sản xuất, xây dựng	630	780	1.435	124	184	151,0
- Kinh doanh thương mại	542	560	670	103	120	111,2

- Dịch vụ	502	500	523	100	105	102,5
<b>4. Theo loại hình</b>						
- Nhà nước	620	640	697	103	109	106,0
- Tư nhân	511	510	653	100	128	113,1
- Hỗn hợp	527	800	1.580	152	197	173,0
<b>Bình quân chung</b>	<b>18,6</b>	<b>40,4</b>	<b>45,0</b>	<b>217</b>	<b>111</b>	<b>155,2</b>

(Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình các doanh nghiệp hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Nhìn vào bảng trên cho thấy, doanh thu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thấp, tốc độ tăng trưởng chưa mạnh, các doanh nghiệp lớn tốc độ tăng trưởng mạnh. Các doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài tăng mạnh so với các doanh nghiệp trong nước. Chủ yếu các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài có ngành nghề sản xuất linh kiện điện tử (Công ty TNHH BHFlex Vina, Interflex Vina...), sản xuất xe, động cơ gắn máy (Công ty Honda, Toyota, Piaggio).

### **Bảng 2.7. Lợi nhuận bình quân các doanh nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc**

Diễn giải	Số lượng (tỷ.đồng)			So sánh (%)		BQ
	2017	2018	2019	2018/2017	2019/2018	
<b>1. Theo qui mô:</b>						
- Nhỏ	0,03	0,04	0,07	133	175	152,6
- Vừa	2,7	3,0	3,1	111	103	106,9
- Lớn	73,6	90,7	108,0	123	119	121
<b>2. Theo nguồn vốn đầu tư</b>						
- Trong nước	17,9	12,3	15,1	68,7	123	91,9
- Nước ngoài (FDI)	30,7	69,4	119	226	171	196,6
<b>3. Theo ngành nghề SX</b>						
- Sản xuất, xây dựng	15,8	39,0	129	247	331	285,9
- Kinh doanh thương mại	5,4	5,6	6,7	104	120	111,7
- Dịch vụ	15,1	15,0	15,7	99	105	102,0
<b>4. Theo loại hình</b>						
- Nhà nước	18,6	16,0	23,2	86	145	111,7
- Tư nhân	4,1	4,0	6,5	98	162	126,0
- Hỗn hợp	31,6	48,0	63,2	152	132	141,6

(Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình các doanh nghiệp hàng năm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Phản ánh doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp phản ánh hầu hết các doanh nghiệp là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thời gian đầu tư mới, doanh thu thấp, lợi nhuận thu được chủ yếu vẫn là một số doanh nghiệp Nhà nước như: Công ty cổ phần tư vấn điện lực Miền Bắc, Công Ty TNHH Một Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết Vĩnh Phúc, các doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, viễn thông ... Đối với

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) nhìn chung mới qua giai đoạn đầu tư, doanh thu và lợi nhuận thu được tăng dần, nhất là từ cuối năm 2018 trở lại đây, đây cũng là lĩnh vực có tiềm năng phát triển mạnh.

#### **2.4. Thực trạng công tác hoàn thuế và quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.**

##### ***2.4.1 Thực trạng công tác hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:***

Hiện nay công tác hoàn thuế Giá trị gia tăng đã và đang được các cơ quan quản lý Nhà nước rất quan tâm, vì Thuế GTGT không những là nguồn thu quan trọng chiếm tỷ trọng lớn mà hoàn thuế GTGT là lĩnh vực nhạy cảm trong công tác quản lý.

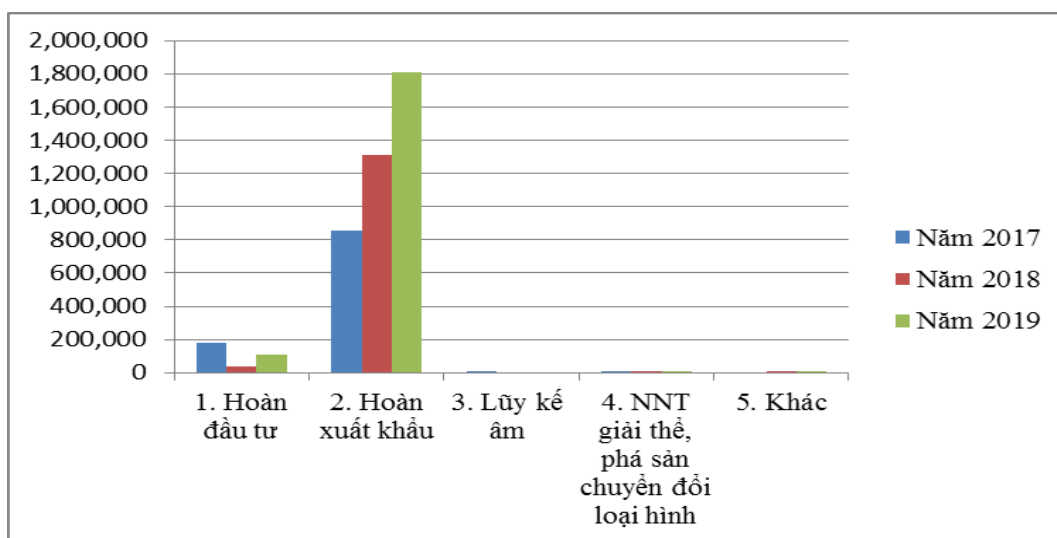
Tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc doanh nghiệp hoàn thuế chủ yếu là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Khi mới thành lập các doanh nghiệp này đầu tư mua sắm trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng phục vụ sản xuất, chi phí đầu vào lớn, số thuế GTGT đầu vào nhiều trong khi đầu ra chưa có, và doanh nghiệp đề nghị hoàn với trường hợp: Hoàn thuế đối với trường hợp doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc hầu hết sản xuất sản phẩm chủ yếu là xuất khẩu hoặc bán cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất, do vậy họ thường xuyên hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của các doanh nghiệp tại Vĩnh Phúc là may mặc, linh kiện điện tử....

**Bảng 2.8. Số tiền chi hoàn theo các trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

Diễn giải	Số tiền (triệu đồng)			So sánh (%)		BQ
	2017	2018	2019	2018/ 2017	2019/ 2018	
1. Hoàn đầu tư	179,832	36,485	108,593	20.29	297.64	158.96
2. Hoàn xuất khẩu	859,052	1,313,040	1,810,007	152.85	137.85	145.35
3. Lũy kế âm	620	0	0	0		0
4. NNT giải thể, phá sản chuyển đổi loại hình	547	733	1,040	134	141.88	137.94
5. Khác	0	66	37		56.06	28.03

(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)



**Biểu đồ 2.2. Số tiền chi hoàn theo các trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

Nhìn vào biểu trên ta thấy tỷ lệ hoàn thuế Giá trị gia tăng với trường hợp hoàn xuất khẩu qua các năm đều tăng cao, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tiền được chi hoàn.

Thông thường đối với hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT thì số hồ sơ hoàn trước kiểm tra sau luôn chiếm tỷ trọng cao so với hồ sơ kiểm tra trước hoàn thuế và số hồ sơ hoàn trước kiểm tra sau luôn tiềm ẩn rủi ro rất cao, do đó cơ quan thuế luôn quan tâm để kiểm tra giám sát các hồ sơ này.

Cơ quan thuế thực hiện phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1, khoản 18 Điều 1 Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13. Và hiện nay thì phân loại theo Điều 73 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 trong đó kiểm tra trước hoàn thuế sau chủ yếu đối với các trường hợp đề nghị hoàn thuế lần đầu, những hồ sơ hoàn thuế từ lần thứ 2 trở đi nhưng vi phạm những quy định không được hoàn thuế trước đó, hoặc những doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế theo theo phân loại quản lý rủi ro trong quản lý thuế.

Thông qua công tác kiểm tra sau hoàn thuế Giá trị gia tăng để quản lý tránh thất thoát tiền thuế nhà nước đồng thời nâng cao được tính tự giác và ý thức trách nhiệm của người nộp thuế.

**Bảng 2.9. Phân loại hồ sơ hoàn thuế theo các trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

Diễn giải	2017		2018		2019		Tỷ lệ kiểm tra trước/ Tổng hs được giải quyết		
	Hoàn trước	Kiểm trước	Hoàn trước	Kiểm trước	Hoàn trước	Kiểm trước	2017	2018	2019
Hoàn đầu tư	7	14	0	11	2	23	66.7	100	92
Hoàn Xuất nhập khẩu	70	45	91	27	130	42	39.1	23	24
Hoàn lũy kế âm	0	1					100		
NNT giải thể, phá sản chuyển đổi loại hình	1	0	1	0	3	0	0.0	0	0
Khác	0	0	0	1	0	1		100	100

*(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)*

Qua bảng số liệu trên ta thấy rằng, kiểm tra trước hoàn chủ yếu đối với trường hợp Hoàn đầu tư, đây là trường hợp các doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư, có số thuế GTGT lũy kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Đối với trường hợp hoàn Xuất khẩu, chủ yếu là thực hiện hoàn trước, vì đây là các doanh nghiệp thường xuyên xuất khẩu, kiểm tra trước chỉ đối với các trường hợp hoàn xuất khẩu lần đầu hoặc có rủi ro cao về thuế.

**2.4.2. Thực trạng công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.**

**2.4.2.1. Thực trạng công tác quản lý Hoàn thuế GTGT theo Quy trình hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.**

***Quản lý hoàn thuế GTGT từ khâu Tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế***

- Phòng đảm nhận: Phòng Tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế (bộ phận một cửa); Phòng Kế khai và Kế toán thuế.

- Số lượng hồ sơ hoàn tiếp nhận liên tục tăng qua các năm, đặc biệt năm 2019 tỷ lệ tăng 141% trong đó, số lượng hồ sơ hoàn của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ lệ cao khoảng 40% và cũng tăng qua các năm, do các

doanh nghiệp này chủ yếu là hoàn xuất khẩu và đầu tư.

Bắt đầu từ đầu năm 2017, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc và một trong những tỉnh đầu tiên triển khai hoàn thuế điện tử, áp dụng thử nghiệm đầu năm và được triển khai đến toàn bộ các doanh nghiệp từ các tháng cuối năm 2017, giúp các doanh nghiệp gửi hồ sơ nhanh chóng, thuận tiện. Trong đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được áp dụng thí điểm từ đầu năm 2017, nên số lượng hồ sơ gửi hợp lệ và đúng quy định đạt cao.

Cùng với hoàn thuế điện tử, NNT đã được tuyên truyền, hỗ trợ, các chính sách, cách lập hồ sơ, các thông tin trên hồ sơ nên tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế hợp lệ tăng qua các năm, năm 2019 tỷ lệ hồ sơ hoàn thuế hợp lệ là cao (95%).

Hồ sơ hoàn thuế được chuyển đúng hạn đã được đảm bảo 100% (năm 2017, 2018, 2019) đảm bảo thời gian, quy trình, trình tự, kịp thời, bộ phận phân loại hồ sơ đảm bảo theo quy định.

#### ***Quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng từ khâu Phân loại hồ sơ hoàn thuế:***

Phân loại hồ sơ hoàn thuế là khâu đầu tiên trong quy trình hoàn thuế Giá trị gia tăng. Đây là khâu quan trọng để xác định doanh nghiệp có thuộc đối tượng được hoàn thuế hay không, và doanh nghiệp thuộc đối tượng hoàn thuế trước hay kiểm tra trước.

Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp không được hoàn thuế GTGT:

- Lũy kế âm 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp nhưng phát sinh từ quý 3/2016 hoặc tháng 7/2016 không được hoàn, tiếp tục khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo.

- Hoàn dự án đầu tư : Dự án đầu tư của CSKD không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký; Chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư; Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản mà tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư.

- Hoàn xuất khẩu: CSKD không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật Hải quan.

Đây là một trong những thay đổi lớn so với thông tư 26/2015/TT-BTC, quy định chặt chẽ hơn các trường hợp được hoàn, thúc đẩy sản xuất xuất khẩu, vì lũy kế âm sẽ không được hoàn, chỉ được khấu trừ vào những kỳ tiếp theo.

**Bảng 2.10. Một số trường hợp không được hoàn thuế GTGT khâu phân loại hồ sơ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

STT	Tên đơn vị	Trường hợp hoàn	Ngày đề nghị hoàn	Lý do
1	Công ty TNHH Kwang Sung Vina	Xuất khẩu	21/11/2017	Số Thuế GTGT còn được khấu trừ không đủ điều kiện hoàn
2	Công ty Điện Lực Vĩnh Phúc - Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc	Đầu tư mở rộng	09/12/2017	Công ty mở rộng đầu tư nâng cấp đường điện
3	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Hòa Bình Minh	Đầu tư mở rộng	30/06/2018	Công ty chưa có giấy chứng nhận đầu tư mở rộng xưởng sản xuất
4	Công ty TNHH J-Tech Vina	Đầu tư mở rộng	23/11/2018	Công ty chưa có giấy chứng nhận đầu tư mở rộng xưởng sản xuất
5	Công ty TNHH công nghiệp Chính Xác Việt Nam 1	Đầu tư mở rộng	21/01/2019	Công ty chưa có giấy chứng nhận đầu tư mở rộng xưởng sản xuất
6	Công ty TNHH Universal Stones	Xuất khẩu	31/01/2019	Sản xuất sản phẩm tài nguyên trên 51%
7	Công ty cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc	Đầu tư mở rộng	25/07/2019	Công ty chưa có giấy chứng nhận đầu tư mở rộng xưởng sản xuất

(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)



Hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau theo quy định của Luật Quản lý thuế nhưng thuộc loại có rủi ro cao thì Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện kiểm tra kỹ hồ sơ, khi phát hiện có dấu hiệu nghi vấn, Cục Thuế có văn bản đề nghị giải trình, hết thời hạn giải trình theo thông báo bằng văn bản mà người nộp thuế không giải trình bổ sung hồ sơ hoàn thuế hoặc có giải trình nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng, hoặc có dấu hiệu gian lận hoàn thuế thì bộ phận phân loại và giải quyết hồ sơ chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau. Chủ yếu các trường hợp sau:

- Doanh nghiệp kinh doanh thương mại xuất khẩu có doanh thu lớn hơn nhiều lần so với số vốn điều lệ hoặc vốn chủ sở hữu (từ 3 lần trở lên); không có cơ sở vật chất (như: kho hàng, phương tiện vận tải, hệ thống các cửa hàng,...) tương ứng quy mô doanh thu.

- Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu không qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

- Doanh nghiệp kinh doanh thương mại mà số thuế GTGT đề nghị hoàn nhỏ hơn hoặc bằng số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa tồn kho.

- Doanh nghiệp có cùng mức thuế suất thuế GTGT đầu vào và đầu ra đề nghị hoàn “trong 12 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết”.

- Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư, doanh nghiệp đang hoạt động có dự án đầu tư nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất, chưa được cấp giấy phép xây dựng... liên quan đến dự án; dự án đầu tư trong đó có hạng mục đầu tư không sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, hạng mục đầu tư không trực tiếp sản xuất kinh doanh (trụ sở văn phòng, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, công viên, vườn hoa...); dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp (bao gồm trung tâm thương mại, thuê văn phòng, căn hộ chung cư để bán...).

- Doanh nghiệp thuộc danh sách rủi ro cao của cơ quan Hải quan.

- Doanh nghiệp có giao dịch thanh toán liên quan đến tổ chức, cá nhân có giao dịch đáng ngờ theo danh sách cảnh báo của cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng và thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

- Doanh nghiệp mới thành lập trong thời gian 24 tháng trở lại tính đến ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế, trừ doanh nghiệp trực tiếp sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Doanh nghiệp bên mua và bên bán có quan hệ nhân thân (bố, mẹ, vợ chồng, anh em...), có cùng chủ sở hữu, quan hệ liên kết có dấu hiệu bất thường.

- Lập doanh nghiệp ở địa phương này nhưng kinh doanh mua, bán sản phẩm, hàng hóa sản xuất ở địa phương khác có dấu hiệu bất thường.

- Doanh nghiệp có số thuế hoàn tăng đột biến (trên 20% so với cùng kỳ năm trước).

**Bảng 2.11. Danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện hoàn trước nhưng có dấu hiệu rủi ro chuyển kiểm tra trước hoàn**

STT	Tên đơn vị	Trường hợp hoàn	Ngày đề nghị hoàn	Lý do chuyển kiểm tra trước
1	Công ty TNHH Sungjin Vina	Xuất khẩu	13/09/2018	Có số lỗ lũy kế vượt quá 50% vốn chủ sở hữu
2	Công ty TNHH BHflex Vina	Xuất khẩu	18/03/2019	Số hoàn đột biến so với các kỳ trước
3	Công ty TNHH In Điện Tử Minh Đức	Xuất khẩu	25/04/2019	Số thuế truy hoàn tại các kỳ trước lớn
4	Công ty TNHH J-tech Vina	Đầu tư	23/11/2018	Giấy phép đầu tư chưa rõ ràng
5	Công ty TNHH May Mặc Việt Thiên	Xuất khẩu	23/09/2019	Thay đổi loại hình doanh nghiệp nhiều lần
6	Công ty TNHH Daeduck Việt Nam	Xuất khẩu	26/09/2019	Số hoàn đột biến so với các kỳ trước
7	Công ty TNHH Young Poong Electronics Vina	Xuất khẩu	23/02/2019	Có quan hệ giao dịch liên kết, đồng thời kỳ hoàn thuế dài
8	Công ty TNHH UUL Light	Xuất khẩu	26/04/2019	Số thuế truy hoàn lớn, không nộp mà đề nghị bù trừ
9	Công ty TNHH Unielflex Vina	Xuất khẩu	16/08/2019	Vốn điều lệ thấp hơn nhiều so với doanh thu
10	Công ty cổ phần TM và ĐT công nghệ Thủ Đô	Xuất khẩu	31/05/2018	Thương mại xuất khẩu

(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

**Quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng tại khâu giải quyết hồ sơ hoàn:**

Đây là bước rất quan trọng thực hiện theo 2 phương pháp cho các đối tượng hoàn thuế cụ thể:

(a). *Hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau:*

Phòng đảm nhận: Đối với hồ sơ hoàn thuế trước, kiểm tra sau, Phòng Kế khai và Kế toán thuế thực hiện hoàn thuế.

**Bảng 2.12. Bảng phân tích nội dung công việc hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau**

STT	Công việc	Thời gian thực hiện (ngày)
<b>a. Phân tích hồ sơ</b>		
1.	Đối chiếu dữ liệu của hồ sơ với dữ liệu đầu kỳ số thuế đề nghị hoàn, kiểm tra về kê khai hồ sơ khai thuế GTGT	02
2.	Xác định số nợ thuế, tiền phạt	01
	- Xác định tình trạng nợ thuế	½
	- Xác định số nợ thuế, phạt	½
3.	Tạm dừng hoàn thuế do đơn vị còn nợ nhưng không đề nghị hoàn kiêm bù trừ; Thông báo giải trình, bổ sung thông tin	Không quá 10 ngày
4.	Lập phiếu đề xuất hoàn thuế	01
<b>b. Đề xuất hoàn thuế</b>		
1.	Dự thảo Quyết định hoàn thuế	01
2.	Chuyển hồ sơ thẩm định	01
3.	Trình thủ trưởng ký duyệt	01

(Nguồn: Quy trình hoàn thuế ban hành theo Quyết định 905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Đối với hồ sơ hoàn thuế trước kiểm tra sau, cơ quan thuế có 7 ngày để giải quyết và trả kết quả cho người nộp thuế. Chính vì vậy việc kiểm soát hồ sơ hoàn ở khâu này chỉ có thể kiểm tra được số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn phải được đảm bảo kê khai đúng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành; đảm bảo điều kiện khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

Tuy nhiên trong quá trình xử lý hồ sơ hoàn thuế trước kiểm tra sau đã phát hiện một số các sai sót của doanh nghiệp đề nghị hoàn như sau: người nộp thuế kê khai, điều chỉnh bổ sung tờ khai thuế GTGT không đúng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính có dấu hiệu bất thường, tờ khai thuế GTGT dành cho cho dự án đầu tư, đề nghị hoàn thuế nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ, thủ tục pháp lý. Mặt khác thông tin người nộp thuế tại hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) chưa cập nhật đầy đủ, đồng bộ với thông tin người nộp thuế đã đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh về ngành nghề kinh doanh, tài khoản ngân hàng...

(b). Hồ sơ kiểm tra trước, hoàn thuế sau:

Phòng đảm nhận: Đối với hồ sơ kiểm tra trước, hoàn thuế sau, Phòng Thanh tra kiểm tra 1, 2,3, 4 thực hiện việc kiểm tra và hoàn thuế theo quy trình kiểm tra và quy trình hoàn thuế GTGT.

**Bảng 2.13. Bảng phân tích nội dung công việc hoàn thuế GTGT đối với trường hợp kiểm tra trước kiểm tra hoàn thuế sau**

STT	Công việc	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Kiểm tra hồ sơ tại cơ quan thuế	
	- Xác định nợ thuế	½ ngày
	- Kiểm tra hồ sơ hoàn thuế	01 ngày
2	Kiểm tra hoàn thuế tại trụ sở NNT	
	- Trình quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT	05
	- Tiến hành kiểm tra hồ sơ tại trụ sở NNT	05
	- Kết luận xử lý kết quả kiểm tra	01
3	Đề xuất hoàn thuế	
	- Dự thảo Quyết định hoàn thuế	01
	- Chuyển hồ sơ sang bộ phận thẩm định	02
	- Trình thủ trưởng ký duyệt	01

(Nguồn: Quy trình hoàn thuế ban hành theo Quyết định 905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Qua công tác thanh tra kiểm tra trước hoàn đã phát hiện nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng chính sách hỗ trợ của nhà nước trong công tác hoàn thuế GTGT thực hiện lập hồ sơ hoàn thuế GTGT không đúng quy định, gây khó khăn trong công tác quản lý và thất thoát NSNN.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra hoàn thuế GTGT Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc và cơ quan công an đã kịp thời phối hợp điều tra, phát hiện nhiều vụ việc vi phạm pháp luật nhằm mục đích trốn thuế, có dấu hiệu vi phạm về hoàn thuế đang được cơ quan công an phối hợp điều tra như: Công ty cổ phần TM và ĐT công nghệ Thủ Đô.

Ngoài ra còn phát hiện ra nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng chính sách thông thoáng của Nhà nước về điều kiện thành lập doanh nghiệp, cơ chế tự khai tự nộp thuế, cơ chế tự in, phát hành, quản lý sử dụng hoá đơn để thành lập doanh nghiệp hoặc mua bán, sáp nhập doanh nghiệp với mục đích in, phát hành, sử dụng bất hợp pháp, mua bán hoá đơn để trốn thuế, hoàn thuế, kiếm lời bất chính, gây thất thu ngân sách nhà nước có chiều hướng gia tăng. Trong đó chủ yếu một số các sai phạm sau:

Số thuế GTGT đầu vào khấu trừ của hàng hoá dịch vụ mua vào không đầy đủ hồ sơ chứng từ theo quy định tại điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật thuế GTGT.

Nhiều doanh nghiệp xuất hoá đơn không đúng thời điểm, xác định sai thuế suất thuế giá trị gia tăng.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào đã quá thời hạn thanh toán, Thuế GTGT đầu vào tương ứng với doanh thu hàng bán bị xuất trả, tương ứng với doanh thu xuất khẩu không thanh toán.

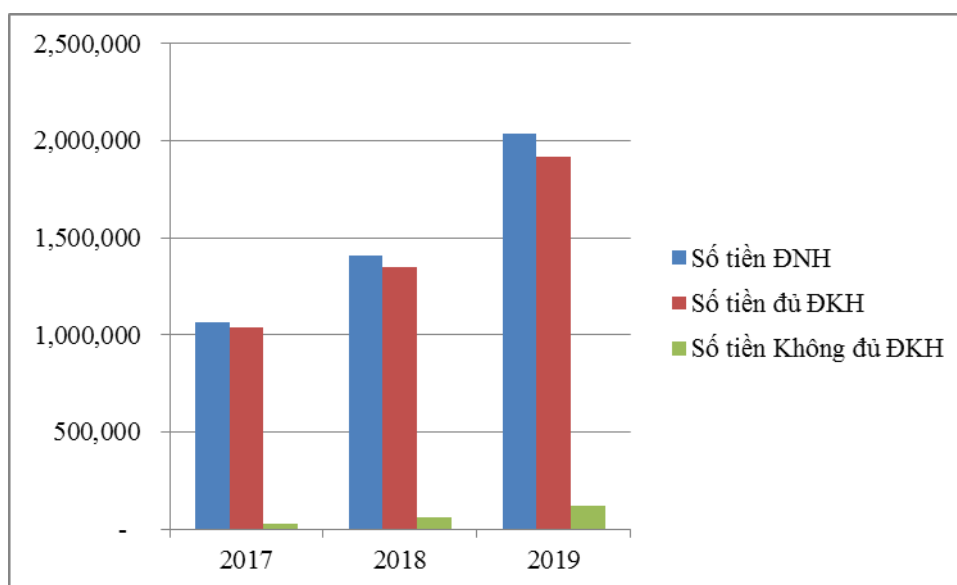
Doanh nghiệp mua hoá đơn hoặc sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để làm chứng từ hợp pháp hoá đầu vào, kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT.

**Bảng 2.14. Kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT tại Cục Thuế Vĩnh Phúc**

*ĐVT: Triệu đồng*

Diễn giải	2017	2018	2019
Số tiền đề nghị hoàn thuế	1,065,551	1,411,518	2,036,732
Số tiền đủ điều kiện hoàn	1,040,051	1,350,324	1,919,677
Số tiền không đủ điều kiện hoàn	25,500	61,194	117,055
Tỷ lệ số tiền không đủ điều kiện/Số tiền đề nghị hoàn thuế	2.4	4.3	5.7

*(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)*



**Biểu đồ 2.3. Kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT tại Cục Thuế Vĩnh Phúc**

***Quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng qua thanh tra kiểm tra sau hoàn:***

Tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện kiểm tra sau hoàn trong thời hạn 1 năm đối với các trường hợp hướng dẫn tại Khoản 4(a) Điều 58 Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và các hồ sơ hoàn thuế có dấu hiệu rủi ro cao. Tuy nhiên việc thanh tra kiểm tra sau hoàn sau thời hạn 1 năm đối với các trường hợp trên chưa được thực hiện kịp thời, tỷ lệ kiểm tra sau hoàn vẫn còn thấp.

**Bảng 2.15. Số lượng hồ sơ được kiểm tra thanh tra sau hoàn thuế.**

Diễn giải	Số hồ sơ hoàn thuế trước kiểm tra sau			Số hồ sơ được kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế			Tỷ lệ kiểm tra sau hoàn (%)		
	2017	2018	2019	2017	2018	2019	2017	2018	2019
Hoàn đầu tư	7		2				0		-
Hoàn Xuất nhập khẩu	70	91	130	18	20	25	25.7	22.0	19
Hoàn lũy kế âm									
NNT giải thể, phá sản chuyển đổi loại hình	1	1	3				0	0	-
Khác									

(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Qua công tác thanh tra kiểm tra sau hoàn thuế Giá trị gia tăng, cơ quan thuế cũng phát hiện ra nhiều sai phạm về hoàn thuế Giá trị gia tăng như:

Khấu trừ thuế Giá trị gia tăng của các hoá đơn bất hợp pháp: ví dụ như hoá đơn của các doanh nghiệp sau thời điểm cơ quan thuế ra thông báo doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh.

Khấu trừ thuế Giá trị gia tăng của hàng hoá huỷ, hàng trả lại. Một số doanh nghiệp đã không ghi rõ nội dung nghiệp vụ là “hàng huỷ” “hàng trả lại” mà cố tình ghi chung chung là “Thuế giá trị gia tăng của công ty A, B ... để khấu trừ”.

Khấu trừ thuế Giá trị gia tăng của hàng hoá – dịch vụ không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Phân bổ hoặc không phân bổ mặt hàng chịu thuế và không chịu thuế.

Khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào đối với các trường hợp mua hàng biếu tặng, thưởng, quà lưu niệm, hoặc chi trang phục vượt định mức.

Hành vi gian lận thuế Giá trị gia tăng đầu ra chủ yếu tập trung vào việc giảm doanh thu tính thuế: Bán hàng không xuất hoá đơn để che dấu doanh thu, không nộp thuế Giá trị gia tăng, bán hàng xuất hoá đơn ghi giá cả và số lượng trong liên lưu nhỏ hơn liên giao cho khách hàng, mục đích là giảm số thuế phải nộp của mình và

tăng số thuế được khấu trừ cho người mua. Xuất hoá đơn không nhằm hợp thức hoá đầu vào để bên mua khai khấu trừ hoặc hoàn thuế.

Xác định sai thuế suất thuế Giá trị gia tăng đối với hàng hoá, dịch vụ: Liên quan đến lô hàng xuất khẩu, doanh nghiệp kê khai doanh thu thuế suất 0% nhưng lại không đáp ứng được đủ các điều kiện quy định như: Thiếu chứng từ thanh toán qua ngân hàng, thiếu hợp đồng xuất khẩu, hoặc xác nhận thực xuất của hải quan lớn hơn lượng hàng hoá bán ra ghi trên hoá đơn Giá trị gia tăng.

**Bảng 2.16. Số tiền thuế truy hồi hoàn qua các năm**

*ĐVT: Triệu đồng*

Diễn giải	Số tiền đã thực hiện hoàn trước được thanh tra kiểm tra sau hoàn			Số thuế truy hồi hoàn			Tỷ lệ (%)		
	2017	2018	2019	2017	2018	2019	2017	2018	2019
Hoàn đầu tư	86,364		1,550	3,600		56	4.2		4
Hoàn Xuất nhập khẩu	366,636	613,873	731,188	17,684	20,053	35,468	4.8	3.3	4.9
Hoàn lỹ kế âm									
NNT giải thể, phá sản chuyển đổi loại hình	547	733	1,040				0	0	-
Khác									

*(Nguồn: Báo cáo quy trình hoàn thuế hàng năm tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc)*

2.4.2.2. *Thực trạng đội ngũ, cán bộ thực hiện công tác quản lý hoàn thuế GTGT tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:*

Việc thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế được xử lý tại Phòng Kế khai và kế toán thuế (đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau), Phòng Thanh tra kiểm tra (đối với hồ sơ kiểm tra trước, hoàn thuế sau).

Tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc Phòng Kế khai và kế toán thuế có 11 cán bộ trong đó có 01 Trưởng phòng, 02 Phó Phòng, và 08 công chức.



Từ tháng 03/2019 , Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc có 04 phòng Thanh tra - Kiểm tra thuế. Phòng thanh tra - kiểm tra thuế số 1 được phân công quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Phòng Thanh tra kiểm tra số 1 có 01 lãnh đạo phòng và 12 cán bộ công chức. Các Phòng Kiểm tra thuế số 2, 3, 4 được phân công quản lý các doanh nghiệp thuộc khối ngoài quốc doanh.

Các công chức đều được đào tạo bài bản, đều có trình độ đại học và trên đại học. Có độ tuổi trung bình từ 28-45 tuổi. Đây cũng là một thuận lợi trong công tác quản lý hoàn thuế GTGT.

Số lượng hồ sơ hoàn thuế chủ yếu tập trung ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi Số lượng công việc của Phòng Thanh tra kiểm tra 1 nhiều: giúp Cục Trưởng Cục Thuế thực hiện thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra người nộp thuế; kiểm tra, giám sát kê khai thuế; giải quyết tố cáo về hành vi trốn thuế, gian lận thuế; thực hiện dự toán thu đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế. Do đó công tác kiểm tra trước hoàn và sau hoàn cũng gặp nhiều khó khăn.

#### *2.4.2.3. Thực trạng công tác kiểm tra nội bộ đối với công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.*

Công tác kiểm tra nội bộ ngành Thuế là hoạt động kiểm tra của cơ quan Thuế đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan Thuế cùng cấp và cơ quan Thuế cấp dưới trong việc chấp hành nhiệm vụ, công vụ được giao nhằm phát hiện sở hữ trong cơ chế quản lý, chính sách pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời.

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong lĩnh vực hoàn thuế GTGT nhằm tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT, phát hiện những tồn tại, sai phạm và xử lý các vi phạm trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoàn thuế GTGT, các quy định của quy trình hoàn thuế, nắm bắt các vướng mắc, kiến nghị và đề xuất những nội dung cần bổ sung, sửa đổi chính sách pháp luật thuế.

Trong năm 2019 Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã thực hiện kiểm tra nội bộ đối với công tác hoàn thuế Giá trị gia tăng tại Văn Phòng Cục Thuế và các Chi cục

Thuế huyện thành thị. Qua kết quả kiểm tra cũng đã đánh giá được chất lượng công tác hoàn thuế Giá trị gia tăng tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:

Kết quả giải quyết hoàn thuế nêu trên của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc về cơ bản đã đáp ứng kịp thời theo quy định của Luật Quản lý thuế. Nhìn chung các hồ sơ hoàn thuế GTGT năm 2019 các Phòng và các Chi cục Thuế đã thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế, các văn bản pháp luật thuế hiện hành. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra công vụ thực tế về việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế ở các Phòng các Chi cục Thuế trong năm 2019 vẫn còn một số những tồn tại trong công tác hoàn thuế GTGT như sau:

- Thời hạn giải quyết hoàn thuế còn chậm so với thời hạn quy định của qui trình hoàn thuế; Luật Quản lý thuế và văn bản quy phạm pháp luật thuế cụ thể:

+ Số hồ sơ giải quyết hoàn thuế chậm thời gian theo quy trình hoàn thuế: Có 30/198 bộ hồ sơ chiếm tỷ lệ 15%;

+ Quyết định hoàn thuế đến lệnh chuyển tiền hoàn thuế chậm thời gian theo quy trình hoàn thuế: Có 41/198 bộ hồ sơ chiếm tỷ lệ 20%;

- Một số hồ sơ kiểm tra trước hoàn: Xử phạt vi phạm hành chính do Hành vi khai sai số thuế đề nghị hoàn thực hiện xử phạt chưa kịp thời, chưa đúng, (*Chưa thống nhất trong việc áp dụng điều, khoản trong xử phạt vi phạm hành chính*). Chưa thực hiện đúng quy định về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế trong trường hợp giải quyết hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau như hoãn kiểm tra theo văn bản đề nghị của người nộp thuế nhưng không ban hành thông báo gửi người nộp thuế. Phiếu giao nhận hồ sơ giữa các bộ phận, phòng chưa đầy đủ.

## **2.5. Đánh giá kết quả công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

### **2.5.1. Kết quả đạt được công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:**

Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị làm việc của Cục Thuế luôn được tăng cường, cơ bản đáp ứng tốt được yêu cầu quản lý thuế hiện nay. Đến nay, hệ thống công sở từ Cục Thuế đến các Chi cục Thuế trong toàn tỉnh cơ bản được mở rộng và xây dựng khang trang tương đối hiện

đại. Từ năm 2017, Cục Thuế xây dựng trụ sở mới, nơi tiếp đón người nộp thuế lịch sự, hiện đại, thuận lợi cho Người nộp thuế đến giao dịch (bộ phận “một cửa”). Các phương tiện kỹ thuật được trang bị đầy đủ, nhất là hệ thống tin học đã được nối mạng thông suốt từ Tổng cục Thuế đến Cục thuế, Chi cục Thuế và các ngành như: Thuế - Hải quan - Tài chính - Kho bạc, đáp ứng được yêu cầu quản lý, cung cấp, trao đổi thông tin, điều hành theo hướng khoa học, hiện đại, cải cách theo từng giai đoạn của ngành thuế.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả cho NNT qua điện tử (hệ thống hoàn điện tử) đã được xây dựng từ cấp Tổng cục và triển khai đến 63 Cục Thuế trên cả nước đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí; giúp cơ quan quản lý thuế giải quyết nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Công tác hoàn thuế và quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng trong thời gian từ năm 2017 -2019 đã đạt được những kết quả nhất định:

Thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế đã được cải thiện, một số trường hợp hồ sơ thời gian giải quyết còn kéo dài do vướng mắc từ chính sách, hoá đơn chứng từ hợp đồng thanh toán, hồ sơ của doanh nghiệp chưa đầy đủ.

Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã rất chú trọng đến công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT đối với các chính sách thuế mới, tổ chức các lớp tập huấn, các hội nghị giải đáp vướng mắc để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc liên quan đến chính sách hoàn thuế cho doanh nghiệp.

Công tác hoàn trước, kiểm sau: đã được thực hiện theo đúng quy trình, với những trường hợp có dấu hiệu rủi ro cao, Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc phân tích rủi ro và chuyển sang thanh tra toàn diện để ngăn chặn kịp thời tình trạng gian lận hoàn thuế Giá trị gia tăng.

- Công tác thanh kiểm tra sau hoàn: đây là công tác quan trọng, để truy thu, truy hoàn số thuế GTGT không đủ điều kiện đã được hoàn. Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã có những biện pháp tăng cường như rà soát phân loại rủi ro, tập trung thanh tra, kiểm tra sau hoàn trong vòng 1 năm đối với các quyết định hoàn thuế có dấu hiệu rủi ro theo quy định. Kết hợp triển khai công tác thanh tra kiểm tra với thanh tra kiểm tra hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có rủi ro về hoàn thuế Giá

trị gia tăng. Trong quá trình thực hiện nếu xác định vụ việc phức tạp đã báo cáo kịp thời Tổng cục Thuế để được chỉ đạo hướng dẫn xử lý theo quy định.

### **2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:**

*2.5.2.1. Hạn chế trong công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc:*

#### *Quy định, quy trình hoàn thuế GTGT*

Việc triển khai thực hiện các qui trình quản lý, các văn bản chỉ đạo của Tổng cục Thuế chưa được chú trọng, chưa phát huy được hiệu quả, cụ thể như:

Việc phối hợp quản lý, kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn của các doanh nghiệp giữa các bộ phận trong cơ quan thuế (bộ phận ấn chỉ, các bộ phận quản lý thuế) chưa có quy chế cụ thể, chưa đáp ứng đúng yêu cầu: nhanh, chính xác để phục vụ tốt cho công tác quản lý thuế nhất là đối với trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau, thời gian giải quyết chỉ có 6 ngày.

Sự phối hợp giữa các bộ phận quản lý thu với các bộ phận thanh tra - kiểm tra ở cơ quan thuế các cấp chưa chặt chẽ, mang tính rời rạc, riêng lẻ, dẫn đến thông tin và kết hợp kiểm tra khi phát hiện đối tượng nộp thuế có các hành vi khai gian lận, trốn thuế hoặc có hành vi không chấp hành các qui định của cơ quan thuế.... Không được phát hiện kịp thời, số lượng và chất lượng của các cuộc kiểm tra đạt hiệu quả chưa cao.

#### *Nguồn nhân lực của cơ quan quản lý thuế*

Thực tế còn một bộ phận không nhỏ đội ngũ công chức thuế chưa đáp ứng được yêu cầu công việc được giao, làm hạn chế một phần hiệu quả các giải pháp tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

*Một là:* Lực lượng kiểm tra, thanh tra về thuế còn mỏng, số doanh nghiệp tăng trưởng không ngừng nhưng số lượng cán bộ còn hạn chế. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì cơ quan thuế không có chức năng điều tra, từ đó việc quản lý, thanh tra, kiểm tra khi phát hiện có những dấu hiệu vi phạm pháp luật thì cơ quan thuế không thể tiếp tục dùng các biện pháp cho việc điều tra, khai thác sâu hơn để

kết luận sai phạm cụ thể, chỉ tiến hành kiểm tra được trên sổ sách, chứng từ kế toán do doanh nghiệp cung cấp do đó hạn chế đến kết quả thanh tra, kiểm tra.

Công tác thanh tra, kiểm tra hiện tại được thực hiện chỉ qua một khâu, các biên bản thanh tra, kiểm tra về thuế nếu không bị khiếu nại, tố cáo thì hầu như không được phúc tra (xem xét lại) nên dễ dẫn tới việc buông lỏng quản lý, sót nguồn thu hoặc dễ tạo điều kiện cho một số cán bộ thoái hoá thông đồng với doanh nghiệp gây thất thu NSNN.

*Hai là:* Một bộ phận cán bộ thuế chưa có ý thức trách nhiệm pháp luật cao, chưa làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình, chưa coi doanh nghiệp là khách hàng để phục vụ, là bạn đồng hành của cơ quan thuế trong việc thực thi pháp luật thuế; chưa nhận thức đầy đủ về vai trò cũng như trách nhiệm đối với công tác tuyên truyền thuế; tác phong làm việc chưa khoa học, chậm chạp, lè mề, đi muộn, về sớm, thái độ giao tiếp, ứng xử với doanh nghiệp chưa văn minh, lịch sự, công tâm và khách quan.

*Ba là:* Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, mới thiên về đào tạo kiến thức cơ bản, kinh tế tài chính, chưa coi trọng bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng thanh tra, kiểm tra hoàn thuế; nghiệp vụ quản lý thuế hiện đại, kỹ năng giao tiếp ứng xử; chưa có hệ thống giáo trình, bài giảng theo chuẩn mực quản lý thuế hiện đại; chưa có đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp kết hợp với giảng viên kiêm chức ổn định.

*Chính sách thuế của Nhà nước:* Sự thay đổi liên tục của các quy định về hoàn thuế GTGT. Các nghị định, thông tư được sửa đổi và ban hành một cách liên tục, khiến doanh nghiệp khó có khả năng bắt kịp. Việc doanh nghiệp được tập huấn, cần một thời gian để nắm rõ thông tư đó thì lại có thông tư khác ban hành để thay thế. Việc này diễn ra liên tục trong các năm qua cũng gây ra những khó khăn không nhỏ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

*Ý thức chấp hành của NNT (Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)*

Một số doanh nghiệp mới thành lập chưa ý thức được trách nhiệm khi lập hồ sơ hoàn thuế đơn vị mình đồng thời có nhiều hành vi để hướng tới mục đích hoàn được càng nhiều càng tốt; chưa nghiên cứu kỹ Luật quản lý thuế, Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn.

Qua thực tiễn xem xét hồ sơ hoàn thuế, một số cán bộ trực tiếp thụ lý đã phải nhận xét rằng đầu ra thì doanh nghiệp thường kê khai rất chuẩn, nhưng trong kê khai đầu vào thì còn rất nhiều tồn tại như:

- Nhiều trường hợp nhầm lẫn trong việc kê khai mã số thuế, tên đơn vị, tính toán số học, ngày tháng, thuế suất dù đã được cán bộ nhắc nhở nhiều lần.

- Điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế GTGT chưa đúng quy định dẫn đến hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế.

- Doanh nghiệp còn nhiều sai sót trong việc kê khai biên lai và giấy nộp thuế GTGT của hàng nhập khẩu như: không trùng tên người nộp, thiếu chứng từ bán ra,..

- Hoá đơn rất khó kiểm soát do quy định hiện nay hầu hết hóa đơn do doanh nghiệp tự in, hiện tượng sử dụng hóa đơn để hợp thức hóa cho hàng hóa mua vào rất khó kiểm soát.

Việc cấp giấy phép kinh doanh của cơ quan Bộ, Sở Đầu tư, UBND tỉnh, thành phố các cấp không gắn liền với việc kê khai đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế của các đơn vị với cơ quan thuế, từ đó nhiều doanh nghiệp tuy có quyết định thành lập nhưng địa điểm và hoạt động ở đâu, từ bao giờ, cơ quan thuế cũng như cơ quan ban hành quyết định thành lập doanh nghiệp cũng không tìm ra

Do việc Ngân hàng phải đảm bảo bí mật về thông tin và quyền lợi của người gửi tiền (chủ tài khoản) nên sự phối hợp giữa cơ quan thuế và ngân hàng trong việc thực hiện cưỡng chế để đảm bảo thu đủ tiền thuế vào NSNN của đối tượng nộp thuế theo qui định của pháp luật chưa được thực hiện.

Xử lý các hành vi vi phạm của các cơ quan chức năng còn chậm và chưa nghiêm là một nguyên nhân làm cho việc chiếm dụng tiền thuế ngày càng nghiêm trọng. Cụ thể là một số doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT bị cơ quan thuế và công an phát hiện có sự gian lận, nhưng cho đến nay vẫn chưa được xử lý dứt điểm với nhiều lý do như thiếu kinh phí, con người để điều tra, xác minh hoặc tội danh chưa rõ. Đối với những trường hợp đã bị xử lý thì mức phạt chưa nghiêm không có tác dụng răn đe, giáo dục.

Việc cưỡng chế thi hành các quyết định xử lý về thuế, về phạt có nhiều bất cập về lực lượng, tổ chức, các trình tự thủ tục cưỡng chế đảm bảo thu đủ tiền thuế, tiền phạt...

Công tác thống kê, khai thác thông tin kinh tế - xã hội trong công tác quản lý thu thuế bị coi nhẹ dẫn đến các cơ quan quản lý Nhà nước không nắm sát tình hình sản xuất kinh doanh ở địa phương nên khi kiểm tra không so sánh đối chiếu được thực lực, khả năng nguồn hàng của địa phương cung cấp để từ đó có cơ sở đối chiếu, đấu tranh với các hành vi sai phạm, cũng như hoạch định chính sách kinh tế của địa phương.

Về phía cơ quan pháp luật (Công an, Viện kiểm soát) do lực lượng cán bộ chưa nắm rõ và cập nhật đầy đủ các chính sách, chế độ, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuế, chưa quan tâm được nhiều tới việc bố trí lực lượng đủ mạnh để phối hợp thường xuyên với cơ quan thuế trong công tác điều tra xác định rõ hành vi sai phạm của các đối tượng trong lĩnh vực thuế để xử lý công khai kịp thời các tội phạm trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, nhằm giáo dục răn đe các đối tượng khác trong việc kê khai, thực hiện nghĩa vụ thuế.

Việc trao đổi thông tin, uỷ thác điều tra, xác minh giữa Việt Nam và các nước khác trong lĩnh vực thuế còn hạn chế.

#### 2.5.2.2. Nguyên nhân của hạn chế trong công tác quản lý hoàn thuế:

##### *Về phía cơ quan thuế:*

Luật thuế GTGT chính thức được áp dụng ở nước ta từ năm 1999. Sau nhiều năm áp dụng và sửa đổi đến nay, hầu hết các doanh nghiệp đã hiểu thấu đáo và chấp hành tốt các quy định trong luật thuế. Tuy nhiên yêu cầu để xác định thuế GTGT là rất khắt khe:

Các doanh nghiệp thường sử dụng những thủ đoạn như: dùng hoá đơn thật, giả lẫn lộn, hoá đơn biến thành "hàng hoá" lưu thông trên thị trường hoặc hoá đơn của chính doanh nghiệp, số liệu trên hoá đơn khớp đúng với số liệu doanh nghiệp kê khai nhưng lại là hoá đơn khống do doanh nghiệp khác làm chứng từ đầu vào để được hoàn thuế. Ngoài ra còn có trường hợp: lập ra các công ty nhưng không dùng để kinh doanh mà chỉ "thực hiện nhiệm vụ" hợp thức hoá hàng không có nguồn gốc hợp pháp rõ ràng, xuất khẩu toàn bộ để được hoàn thuế 100%. Hoặc "mua pháp nhân" của các công ty theo kiểu: Hàng của công ty này nhưng lại được một công ty TNHH xuất bán cho một đơn vị khác ở địa phương khác để rồi sau đó, đơn vị lại xuất hoá đơn bán cho "công ty chính chủ". Như thế, đầu vào của loại hàng hoá

không có nguồn gốc hoặc nguồn gốc không hợp pháp đã được hợp thức hoá và đủ điều kiện để được hoàn thuế GTGT.

Xử lý các hành vi vi phạm của các cơ quan chức năng còn chậm và chưa nghiêm là một nguyên nhân làm cho việc chiếm dụng tiền thuế ngày càng nghiêm trọng. Cụ thể là một số doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT bị cơ quan thuế và công an phát hiện có sự gian lận, nhưng cho đến nay vẫn chưa được xử lý dứt điểm với nhiều lý do như thiếu kinh phí, con người để điều tra, xác minh hoặc tội danh chưa rõ. Đối với những trường hợp đã bị xử lý thì mức phạt chưa nghiêm không có tác dụng răn đe, giáo dục.

Việc trao đổi thông tin, uỷ thác điều tra, xác minh giữa Việt Nam và các nước khác trong lĩnh vực thuế còn hạn chế.

*Về phía người nộp thuế:*

Doanh nghiệp đầu tư mới chưa có bộ máy kế toán chuyên về hoàn thuế, công tác hoàn thuế chưa được tiếp cận đầy đủ dẫn đến thủ tục hồ sơ làm tốn thời gian nhưng không đảm bảo theo quy định.

Số lượng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn không nhiều doanh nghiệp lớn, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kê khai, kế toán thuế còn ít và chưa đáp ứng yêu cầu.

Ý thức chấp hành pháp luật về thuế nói chung và công tác hoàn thuế nói riêng chưa cao, một số doanh nghiệp làm giả hồ sơ xuất khẩu để được hoàn thuế; hay chưa có giấy phép xây dựng, giấy phép đầu tư đã thi công



## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Chương 2 của luận văn đã nêu một cách khái quát về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cũng như cơ cấu tổ chức của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Khái quát số lượng, cơ cấu, doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài qua đó đánh giá năng lực, tình hình sản xuất kinh doanh giúp công tác quản lý hoàn thuế GTGT được chính xác, nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Luận văn đã xác định rõ thực trạng công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2017-2019, mô tả thực trạng quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng và nêu ra những mặt mạnh, yếu, cơ hội và thách thức trong giai đoạn vừa qua.

Đối với các hạn chế, tồn tại đã xác định được các vấn đề, từ đó chỉ ra nguyên nhân chủ quan và khách quan của các hạn chế, tồn tại đó. Đây là cơ sở để đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ HOÀN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TU NƯỚC NGOÀI TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC

**3.1. Quan điểm định hướng đối với công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.**

*Quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng hợp tác, minh bạch, chuyên nghiệp, liêm chính và đổi mới.*

Hợp tác, minh bạch, chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới: Đây là phương châm chung của toàn ngành thuế Việt Nam nói chung và phương châm của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng.

*Hợp tác:* Giữa Cục Thuế và doanh nghiệp có sự liên kết theo hướng tích cực, tự nguyện, hòa hợp với nhau trong công tác quản lý, Cục Thuế tạo điều kiện để doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ổn định, doanh nghiệp hợp tác với Cục Thuế trong công tác chấp hành các nghĩa vụ thuế nói chung và công tác hoàn thuế nói riêng.

*Minh bạch:* Cục Thuế thực hiện quản lý hoàn thuế GTGT rõ ràng, công khai, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân.

*Chuyên nghiệp:* Cán bộ công chức Cục Thuế không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, học hỏi nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng thành thạo, luôn tận tâm trong công việc và thân thiện với doanh nghiệp

*Liêm chính:* Toàn thể cán bộ, công chức Cục Thuế thực hiện luôn tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp, trung thực và đáng tin cậy.

*Đổi mới:* Luôn đổi mới tư duy, hành động để quản lý thuế hiệu quả và mang lại giá trị tốt nhất cho mọi tổ chức, cá nhân.

*Quản lý thuế hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đảm bảo dự toán hoàn, làm tốt công tác hoàn thuế, thanh kiểm tra sau hoàn đảm bảo NSNN không bị thất thoát.*

Đảm bảo thực hiện tốt dự toán hoàn tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018-2020.

*Về công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành hoàn thuế:* Chủ động rà soát, đánh giá phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến công tác hoàn thuế GTGT trên địa bàn tham mưu với Lãnh đạo Cục Thuế xây dựng kế hoạch, dự toán hoàn phù hợp và hiệu quả.

*Về công tác quản lý kê khai:* Phần đầu số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kê khai đúng quy định đạt từ 98% trở lên, đảm bảo hoàn thuế trước, kiểm tra sau không bị thất thoát NSNN.

*Quản lý tốt công tác kiểm tra trước và sau hoàn thuế:* Cục Thuế cần xây dựng kế hoạch thanh tra kiểm tra những đơn vị hoàn thuế thường xuyên trong vòng 1 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn, phân loại những doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao về thuế để thực hiện thanh kiểm tra trước hoàn.

Nghiêm túc triển khai thực hiện Luật số 218/2012/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Luật số 31/2013/QH13 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT; Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, Luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

Thực hiện tốt chương trình phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan Thuế và chương trình công tác của Ngành;

Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật của ngành, nghiêm túc thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí..

Hàng năm nghiêm túc kiểm điểm, phê và tự phê theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4.

*Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ:* Tăng cường công tác tuyên truyền trên nhiều phương diện, truyền thông, mạng, pano, quảng cáo, tờ rơi, lưu động...

***Quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gắn với đơn giản thủ tục hành chính, hiện đại hóa công nghệ thông tin, làm tốt công tác tổ chức cán bộ, công chức***

*Về thủ tục hành chính:* Tiếp tục thực hiện Đề án 30 về đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuế, tập trung vào thủ tục đăng ký thuế và thủ tục kê khai thuế, gắn với việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Tiếp tục triển khai mở rộng dự án hoàn thuế điện tử đảm bảo 100% hồ sơ hoàn thuế GTGT được thực hiện điện tử.

Tổ chức thực hiện dự án trao đổi thông tin doanh nghiệp qua việc ứng dụng và kết nối thông tin giữa 04 ngành: Thuế - Kho bạc - Hải Quan - Tài chính, mở rộng hình thức nộp thuế qua các ngân hàng.

*Về hiện đại hóa công nghệ thông tin:* Triển khai mở rộng các đề án, dự án quản lý thuế hiện đại, kê khai thuế qua mạng Internet khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện, hoàn thuế điện tử...

Nghiêm túc thực hiện đề án chiến lược phát triển ngành thuế giai đoạn 2011-2020, kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2016 - 2020, thuộc thẩm quyền của Cục Thuế theo đúng kế hoạch của Tổng cục Thuế, đặc biệt là chương trình: ISO 9001-2008.

*Về công tác tổ chức, cán bộ:* Tiếp tục đổi mới, kiện toàn bộ máy tổ chức giảm bớt khâu trung gian, sắp xếp đúng người đúng việc đảm bảo bộ máy hoạt động phù hợp tình hình đơn vị có hiệu quả.

*Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ:* Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, hàng tháng, hàng năm có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể dưới nhiều hình thức đào tạo; đào tạo các cán bộ công chức làm nhiệm vụ hoàn thuế.

### **3.2. Giải pháp Tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc**

#### ***3.2.1. Tuyên truyền, hướng dẫn chính sách hoàn thuế GTGT***

Các doanh nghiệp chưa nhận thức đúng tác dụng của công tác hoàn thuế GTGT, thuế GTGT nộp ở khâu trước sẽ được khấu trừ, hoàn thuế ở khâu sau đối với doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế theo phương pháp khấu trừ, tuy nhiên, việc hoàn thuế GTGT phải bảo đảm tính trung thực thực, chính xác, bảo đảm đúng đối tượng, trường hợp được hoàn.

Nếu vi phạm sẽ bị truy hồi hoàn, xử phạt vi phạm hành chính, và đưa vào danh sách những doanh nghiệp rủi ro cao về thuế, những lần hoàn tiếp theo sẽ thuộc diện kiểm tra trước hoàn.

\* **Mục đích:** Thống nhất quan điểm chấp hành tốt chính sách thuế GTGT nhất là chính sách hoàn thuế GTGT, do vậy công tác hoàn thuế GTGT cần được quan tâm, nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của công tác này.

\* **Các biện pháp thực hiện:**

- Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách thuế, trong đó có chính sách hoàn thuế GTGT cho các doanh nghiệp với nhiều hình thức để doanh nghiệp hiểu và tự giác chấp hành tốt chính sách thuế.

- Cần phải khẳng định thêm rằng công tác giáo dục tuyên truyền không chỉ dừng lại ở những năm đầu tiên mà còn phải được tiến hành thường xuyên, liên tục trong những năm tiếp theo.

- Cùng với việc tuyên truyền chính sách thuế GTGT nói chung, các quy định về công tác hoàn thuế GTGT nói riêng cho các doanh nghiệp thì cần thiết phải tăng cường nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đẩy mạnh công tác rà soát doanh nghiệp theo những tiêu chí rủi ro cao về thuế, nhận dạng các doanh nghiệp có dấu hiệu mua bán hóa đơn, đồng thời có sự phân loại doanh nghiệp dựa trên các tiêu chuẩn, uy tín trong công tác thuế, làm tốt công tác này giúp cho cơ quan thuế thực hiện công tác hoàn thuế GTGT tốt hơn.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác hoàn thuế GTGT, từ khâu kê khai thuế, lập thủ tục hoàn thuế để các đơn vị doanh nghiệp chấp hành tốt chính sách này, bảo đảm quyền lợi cho các doanh nghiệp do chính sách mang lại.

- Thông tin, quảng bá trên đài truyền hình, ti vi và các hình thức tuyên truyền thông qua buổi tọa đàm, hỏi đáp với doanh nghiệp để doanh nghiệp nắm chắc và chấp hành tốt chính sách thuế; giải đáp chính sách và kiến nghị của doanh nghiệp.

- Hướng dẫn thực hiện tốt chế độ hóa đơn, chứng từ, kê khai hóa đơn trung thực, bảo đảm đúng quy định, cơ quan thuế cần tăng cường kiểm tra, đối chiếu hóa đơn và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để hoàn thuế GTGT.

- Cơ quan thuế cần có sự tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua hình thức tư vấn trên điện thoại, tư vấn trực tiếp hoặc tư vấn bằng văn bản cho doanh nghiệp trong công tác hoàn thuế GTGT, giúp và định hướng cho doanh nghiệp thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung công tác hoàn thuế GTGT.

### 3.2.2. Quản lý, hóa đơn chứng từ

Hóa đơn GTGT là nội dung trọng tâm và quan trọng nhất trong việc thực hiện hoàn thuế GTGT, trên cơ sở kê khai hóa đơn GTGT đầu vào và kê khai hóa đơn GTGT đầu ra để thực hiện việc hoàn thuế GTGT.

Từ việc hoàn thuế GTGT trong chính sách thuế GTGT do vậy, nhiều tổ chức, cá nhân lợi dụng tính ưu việt của chính sách hoàn thuế GTGT để sử dụng bất hợp pháp hóa đơn hoặc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp nhằm hoàn thuế GTGT từ NSNN.

\* **Mục đích:** Thống nhất nhận thức về tầm quan trọng của việc quản lý hóa đơn.

#### \* Các biện pháp cụ thể

- Tăng cường quản lý hoá đơn, chứng từ, đặc biệt là từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2010/NĐ- CP ngày 14/5/2010; Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010; Thông tư số 64/2013 ngày 15/5/2013, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ đã mở rộng và trao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn của mỗi doanh nghiệp.

- Đối với ngành Thuế nói riêng và ngành tài chính nói chung: thực tế mà nói chưa có một công văn, văn bản nào có một định nghĩa chung nhất về hoá đơn, chứng từ để được mọi người công nhận. Nhưng nhìn ở một góc độ ý nghĩa, vai trò - chức năng của hoá đơn thì chúng ta không thể phủ nhận được tầm quan trọng của chứng từ này. Bởi vì toàn bộ các hoạt động kinh tế được phát sinh liên tục qua việc mua bán, trao đổi hàng hoá - dịch vụ trong nền kinh tế thị trường không thể thiếu được vai trò của tờ hoá đơn.

Do đó có thể khái quát ở góc độ vai trò, chức năng của hoá đơn như sau:

- Hoá đơn là một bộ phận ấn chỉ thuế được in theo chỉ định tại các Luật thuế, pháp lệnh thuế và các văn bản pháp quy dùng để quản lý thu thuế cho NSNN.

- Hoá đơn được sử dụng để mua bán hàng hoá - dịch vụ, là chứng từ để đảm bảo chất lượng hàng hoá - dịch vụ và bảo hành hàng hoá.

- Hoá đơn được sử dụng để thanh quyết toán tài chính khi mua hàng cho công ty, cơ quan, tập thể...

- Hoá đơn là chứng từ để thu tiền bán hàng và thể hiện doanh số của một doanh nghiệp.

- Đối với mối quan hệ giữa cơ quan thuế và doanh nghiệp thì hoá đơn là chứng từ cơ sở ban đầu dùng để kê khai nộp thuế, khấu trừ, hạch toán chi phí thực tế phát sinh, hoàn thuế và xác định chi phí hợp lệ khi tính thuế, nhất là các loại thuế trực thu.

Trong tình hình hiện nay, để tăng cường quản lý sử dụng hoá đơn như một công cụ của Nhà nước trong việc quản lý thuế, quản lý tài chính, đảm bảo công bằng xã hội trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho NSNN, chống tham nhũng, góp phần xây dựng trật tự kỷ cương trong lĩnh vực tài chính. Góp phần thu đúng chính sách, thu đủ số thuế phải thu, thúc đẩy các cá nhân, tổ chức SXKD hàng hoá, dịch vụ - thực hiện hạch toán kinh tế và chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ đi vào nề nếp, thúc đẩy SXKD phát triển. Cho nên cơ quan thuế khuyến khích tất cả các tổ chức, cá nhân kinh doanh tùy theo trình độ, qui mô của đơn vị mình mà ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong quản lý sử dụng hoá đơn để lựa chọn hình thức sử dụng hoá đơn tự in và tự chịu trách nhiệm trước đơn vị mình và trước pháp luật. Ngoài hoá đơn ra thì theo qui định hiện hành còn có một số chứng từ rất quan trọng có tính chất tương đương có giá trị như hoá đơn là các loại bảng kê như: bảng kê bán lẻ hàng hoá - dịch vụ và bảng kê thu mua hàng hoá nông sản, lâm sản, thủy sản chưa qua chế biến; đất, đá, cát, sỏi, phế liệu không có hoá đơn.

Cho nên, việc quản lý hoá đơn, chứng từ không phải là đơn giản, đặc biệt là hiện nay, hoá đơn "giả", "thật" lẫn lộn gây khó khăn cho cán bộ quản lý. Chính vì vậy, để quản lý hoá đơn chứng từ hiệu quả nhất thì chỉ có thể bằng cách nối mạng tin học toàn ngành thuế trên phạm vi cả nước. Nếu như thực hiện được việc nối mạng tin học toàn ngành thuế thì công tác quản lý hoá đơn chứng từ sẽ đảm bảo hơn, không còn tình trạng sử dụng hoá đơn giả để moi tiền của Nhà nước. Tuy vậy, việc nối mạng tin học toàn ngành thuế trên phạm vi cả nước không phải là điều đơn giản.

Hoá đơn, chứng từ là vấn đề mấu chốt quyết định thắng lợi của việc thực hiện Luật thuế GTGT và phát huy tác dụng hoàn thuế GTGT. Nếu việc quản lý được thực hiện tốt thì công tác hoàn thuế GTGT sẽ đem lại hiệu quả cao, còn nếu việc quản lý không được thực hiện tốt thì sẽ ảnh hưởng đến công tác hoàn thuế GTGT và dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp vi phạm như hiện nay.

Ban hành các quy định về chế độ sử dụng, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Tăng cường đối chiếu, kiểm tra việc quản lý, sử dụng hóa đơn đối với doanh nghiệp, từ việc đăng ký phát hành, sử dụng, lưu hóa đơn, chấp hành tốt chế độ báo cáo hóa đơn theo định kỳ.

### ***3.2.3. Tăng cường công tác kiểm tra sau hoàn thuế***

Thanh tra, kiểm tra là khâu quan trọng trong công tác quản lý thuế GTGT nói chung và công tác hoàn thuế nói riêng.

Kiểm tra tính đúng đắn, hợp pháp của hồ sơ hoàn thuế để kịp thời chấn chỉnh sai phạm trong việc sử dụng hóa đơn, kê khai thuế.

Công tác kiểm tra sẽ có sự phối hợp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị, bộ phận trong ngành, phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan chức năng để quản lý có hiệu quả công tác hoàn thuế.

**\* Mục đích:** Phát hiện và ngăn ngừa có hiệu quả những sai phạm trong công tác quản lý hoàn thuế GTGT

**\* Các biện pháp cụ thể:**

Kiểm tra tính đầy đủ hợp pháp của bộ hồ sơ hoàn thuế.

Để một bộ hồ sơ hoàn thuế được coi là đầy đủ, hợp pháp thì đầu tiên trách nhiệm thuộc về phía doanh nghiệp. Bên cạnh sự giúp đỡ của cán bộ thuế, doanh nghiệp phải tự tìm hiểu luật thuế, tự xác định xem mình thuộc đối tượng, trường hợp được hoàn thuế nào, từ đó tiến hành lập hồ sơ hoàn thuế, đặc biệt các đơn vị phải có ý thức tự giác trong việc kê khai hoàn thuế theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kiểm tra việc kê khai thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT đầu vào trên bảng kê thuế.



Phải kiểm tra từng loại doanh số để tính đúng tỉ lệ % thuế đầu vào được khấu trừ đối với hàng hóa xuất khẩu đồng thời bán nội địa.

Các trường hợp được tính khấu trừ đối với hàng hoá xuất khẩu phải kiểm tra xác định mối quan hệ giữa hàng hoá xuất khẩu và hàng hoá dịch vụ mua vào.

Thuế đầu vào của tài sản cố định được khấu trừ nếu có sự thay đổi mục đích sử dụng thì sẽ xác định lại phần được khấu trừ.

Chứng từ (biên lai) đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu để làm căn cứ khấu trừ đầu vào, hoàn thuế và chứng từ đã nộp thuế của bên Việt Nam nộp thay cho Nhà thầu nước ngoài có kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Riêng biên lai thu thuế của người buôn chuyển và biên lai nộp thuế bị truy thu do mua hàng hoá vận chuyển không có hoá đơn hợp pháp không được khấu trừ.

Xác định đúng doanh thu bán hàng và thuế suất áp dụng cho từng mặt hàng, dịch vụ theo đúng chế độ hiện hành và theo từng đặc điểm của ngành nghề gắn với kinh doanh.

- Cơ quan thuế cần thường xuyên nhắc nhở, khẳng định hơn nữa trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các số liệu kê khai trên hồ sơ hoàn thuế để dần tạo thành một thói quen trong kê khai đối với các đối tượng này.

- Đưa ra các hình thức xử phạt nghiêm khắc đối với các trường hợp cố tình vi phạm thậm chí có thể thành lập riêng một ban thanh tra về công tác hoàn thuế đặt dưới sự chỉ đạo của Tổng cục.

Những công việc trên đây sẽ là bước đầu tiên xác định tính chính xác trong số hoàn, là bước đầu để cán bộ thuế xây dựng kế hoạch kiểm tra sau hoàn thuế, những công việc này được thực hiện tốt sẽ tạo điều kiện giảm khối lượng công tác trong quá trình kiểm tra sau hoàn thuế và ngược lại.

Tăng cường công tác kiểm tra sau hoàn thuế.

Tăng cường hướng dẫn các doanh nghiệp việc ghi chép, sử dụng hoá đơn, chứng từ theo đúng quy định trong đó chú trọng áp dụng công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống khai thác thông tin trên phạm vi toàn quốc phục vụ thanh tra, kiểm tra thuế. Hiện nay, việc xác minh thực tế nghiệp vụ phát sinh của các đơn vị, đối chiếu hoá đơn thuế là vấn đề cực kỳ khó khăn nhất là đối với hồ sơ hoàn thuế có

bảng kê. Để xác minh quan hệ mua bán của hai doanh nghiệp thì cơ quan thuế phải làm văn bản gửi cho Cục thuế nơi doanh nghiệp mình có quan hệ buôn bán và bên kia sẽ trả lời bằng văn bản, nhưng thời gian đợi văn bản trả lời có thể tính bằng tháng, thậm chí không có văn bản trả lời. Như vậy, cần thiết phải tiến hành cập nhật hoá đơn chứng từ lên mạng máy vi tính kể cả các hoá đơn báo hỏng, mất để tạo điều kiện cho cán bộ kiểm tra có thể ngồi trong phòng để xác minh, đối chiếu hoá đơn, vừa tiết kiệm được thời gian, vừa tiết kiệm được chi phí lại đạt được hiệu quả cao.

Phối hợp giữa liên ngành tài chính và công an để có biện pháp chống hoá đơn giả, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Hiện nay các ĐTNT không chỉ trốn thuế mà còn cao tay hơn là moi tiền của Nhà nước tới hàng tỷ đồng chứng tỏ họ rất coi thường pháp luật. Hiện tượng này cần phải được nghiêm trị và truy tố trước pháp luật. Đây là việc hết sức cần thiết vì chỉ có pháp luật mới nghiêm trị được những kẻ cố tình vi phạm, gây thất thoát tiền của Ngân sách. Chỉ có pháp luật mới làm cho trật tự xã hội không bị đảo lộn, tạo nên sự trong sạch cho ngành thuế, thúc đẩy nền kinh tế phát triển và góp phần tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước.

Ban hành đầy đủ các quy trình kiểm tra trong đó có quy trình kiểm tra chuyên sâu về công tác hoàn thuế GTGT.

Xây dựng quy chế trao đổi thông tin, phối hợp với các ngành chuyên môn có liên quan như: ban quản lý các cum, khu công nghiệp; cơ quan hải quan, quản lý thị trường, cơ quan công an và các cấp chính quyền trong việc quản lý thuế GTGT

Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm chế độ hoàn thuế GTGT, nhất là những sai phạm về hóa đơn, chứng từ trong việc hoàn thuế GTGT.

#### **3.2.4. *Kiến toàn bộ máy quản lý, cán bộ thuế***

Con người là yếu tố quan trọng, do vậy việc bố trí, sắp xếp cán bộ làm công tác hoàn thuế phải giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác hoàn thuế GTGT.

##### **\* Mục đích:**

Sắp xếp, bố trí bộ phận thực hiện công tác hoàn thuế GTGT đủ mạnh để thực hiện tốt công tác hoàn thuế, bảo đảm thời gian, chất lượng công việc

Công tác hoàn thuế GTGT đòi hỏi tính chính xác, kịp thời.

### **\* Các biện pháp cụ thể:**

Đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ thuế. Chúng ta biết rằng, không phải cán bộ thuế nào cũng giỏi về nghiệp vụ chuyên môn nên việc mở các lớp tập huấn cho cán bộ thuế là hết sức cần thiết, đặc biệt là đối với công tác hoàn thuế GTGT. Nếu như trình độ nghiệp vụ của cán bộ thuế được nâng cao thì việc kiểm tra xem xét hồ sơ hoàn thuế sẽ tiến hành nhanh chóng và chính xác. Đồng thời những kẽ hở trong chính sách được các doanh nghiệp lợi dụng sẽ bị phát hiện. Tuy nhiên trên thực tế có không ít các vụ phanh phui gian lận hồ sơ để hoàn thuế lại do công an kinh tế phát hiện, còn qua việc kiểm tra hồ sơ thì cán bộ thuế lại không phát hiện được. Điều này chứng tỏ trình độ của cán bộ thuế chưa cao. Vì vậy, cần thiết phải mở các lớp tập huấn, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các cán bộ thuế bao gồm: chính sách chế độ, nghiệp vụ hành thu, kế toán, máy vi tính, ngoại ngữ,.. để giúp cho công tác hoàn thuế được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo chính xác, tránh tình trạng gian lận hồ sơ của các doanh nghiệp và phát huy tác dụng của hoàn thuế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh, hoà nhập với nền kinh tế phát triển của các nước trên thế giới.

Thường xuyên tổ chức tập huấn cho đội ngũ làm công tác hoàn thuế GTGT, nhất là những nội dung thay đổi chính sách thuế.

Phân công, phân nhiệm cụ thể các bộ phận liên quan trong quá trình thực hiện công tác hoàn thuế GTGT.

Cán bộ làm công tác hoàn thuế GTGT phải có khả năng làm việc theo nhóm, có sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan để phát hiện và ngăn ngừa những sai phạm trong công tác hoàn thuế GTGT.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, tuyên truyền tới toàn bộ công chức, người lao động đồng thời quan tâm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ lãnh đạo và công chức để có phương án sắp xếp, bố trí nhận sự hợp lý, bố trí hài hoà, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai.

Sắp xếp, sắp nhật, luân phiên, luân chuyển thường xuyên tạo cơ hội học hỏi cho cán bộ, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo ổn định trong mọi hoạt động, không gây ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao.

### **3.2.5. Chi tiết hóa hồ sơ hoàn thuế**

#### **\* Mục đích:**

- Bảo đảm tính đầy đủ, trung thực trong hồ sơ khai hoàn thuế.
- Từng nội dung, tài liệu trong hồ sơ hoàn thuế cần được minh bạch có sự kiểm tra, xác nhận của từng bộ phận liên quan.
- Phát hiện những sai sót, bất cập trong hồ sơ, đảm bảo tính đồng bộ, bảo đảm tính chặt chẽ trong hồ sơ hoàn thuế.

#### **\* Các biện pháp cụ thể:**

##### **a). Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau:**

Cán bộ được phân công giải quyết hồ sơ hoàn thuế phải thực hiện các bước công việc sau:

+ Tra cứu dữ liệu trong hệ thống quản lý thuế tập trung TMS để xác định chính xác số liệu khai thuế của doanh nghiệp, chỉ tiêu đề nghị hoàn trên tờ khai GTGT tháng dừng hoàn là tờ khai bổ sung hay tờ khai chính thức theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật quản lý thuế. Kiểm soát việc kê khai các chỉ tiêu điều chỉnh tăng giảm tiền thuế đầu vào.

+ Tra cứu thông tin đăng ký thuế: Thông tin người ký hồ sơ đề nghị hoàn có phải là Người đại diện theo pháp luật hay không, Tài khoản nhận tiền hoàn thuế đã đăng ký với Cơ quan thuế hay chưa? Đơn vị có còn nợ thuế không và có xin bù trừ với số thuế được hoàn không?

+ Đối với hồ sơ hoàn xuất khẩu: Kiểm tra xem tỷ trọng xuất khẩu là bao nhiêu %. Kiểm tra việc phân bổ số thuế còn được hoàn có đúng hướng dẫn hay không và thực hiện Phân bổ lại cho đúng.

+ Đối với hồ sơ hoàn đầu tư: Cần kiểm soát là đối tượng đề nghị hoàn trong trường hợp đầu tư mới hay đầu tư mở rộng, kê khai đúng mẫu biểu hay không? Đơn vị có đề nghị bù trừ với với số thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh hay không?

+ Đối với hồ sơ hoàn Lũy kế âm liên tục: kể từ thời điểm sau khi thông tư 13/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực thì không được hoàn.

+ Rà soát, đối chiếu số nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế (bao gồm cả số tiền thuế, tiền phạt nợ quá hạn và nợ cưỡng chế thuộc phạm vi quản lý của cơ quan Hải quan) của người nộp thuế tại thời điểm hoàn thuế trên ứng dụng. Đối với số tiền thuế tiền phạt còn nợ của Cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế tra cứu số liệu nợ tiền thuế, tiền phạt của người nộp thuế có liên quan trên trang điện tử [www.customs.gov.vn](http://www.customs.gov.vn) của Tổng cục Hải quan để thực hiện bù trừ nếu có.

*Trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế, cơ quan thuế phát hiện những vấn đề chưa rõ căn cứ được hoàn trong hồ sơ hoặc hồ sơ có nhiều dấu hiệu nghi vấn thì thực hiện:*

+ Lập thông báo giải trình để kiểm soát các căn cứ được hoàn theo từng trường hợp hoàn thuế, để giảm thiểu áp lực về thời gian đảm bảo chi hoàn thuế đúng, kịp thời đối với các doanh nghiệp. Yêu cầu xuất trình các căn cứ hoàn theo từng trường hợp: Dự án đầu tư, Xuất khẩu, hay lũy kế âm...

+ Kiểm soát tài khoản ngân hàng, Kiểm soát hợp đồng mua bán, Chứng từ thanh toán qua ngân hàng, Tiến độ góp vốn đầu tư, Thời gian đầu tư.

+ Đối chiếu tài khoản ngân hàng của bên mua và bên bán trên hợp đồng và chứng từ thanh toán với hệ thống: đã phát hiện nhiều trường hợp không có đăng ký tài khoản ngân hàng khi khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT, do vậy đã loại ra khỏi số thuế đề nghị hoàn. Trường hợp NNT xuất trình tờ khai đăng ký Tài khoản Ngân hàng đã thông báo cơ quan thuế, cơ quan thuế các tỉnh chưa nhập vào hệ thống TMS, đã có văn bản hoặc gửi E-Mail yêu cầu Cơ quan thuế các tỉnh thực hiện nhập vào hệ thống.

+ Kiểm soát các thông tin trên Chứng từ thanh toán qua ngân hàng như: Tên, địa chỉ và số tài khoản của người thanh toán; Tên và địa chỉ của ngân hàng nơi người thanh toán mở tài khoản; Tên, địa chỉ và số tài khoản của người nhận thanh toán; Tên và địa chỉ của ngân hàng nơi người nhận thanh toán mở tài khoản; Số tiền thanh toán; Nội dung thanh toán: Ghi rõ số (bao gồm cả ký hiệu, nếu có) ký ngày, tháng, năm của hợp đồng mua bán có liên quan (trường hợp thanh toán theo thoả thuận tại phụ lục hợp đồng thì phải bao gồm cả thông tin về hợp đồng và phụ lục hợp đồng); Các thông tin khác theo quy định của ngân hàng (nếu có). Trường hợp phát hiện ra Chứng từ thanh

toán bằng tiền mặt hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản vãng lai của bên nước ngoài mở tại các ngân hàng ở Việt Nam thì không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT

+ Đối với trường hợp Xuất khẩu: Cần chú trọng kiểm soát đối chiếu Hợp đồng xuất khẩu với tờ khai xuất khẩu, Xác nhận của Cơ quan Hải quan. Một số lưu ý sau:

Trường hợp xuất khẩu uỷ thác thì bên nhận uỷ thác xuất khẩu phải lưu giữ hoá đơn GTGT bán hàng xuất khẩu (liên 2) do bên uỷ thác xuất khẩu lập theo quy định. Bên nhận uỷ thác sau khi được khách hàng nước ngoài thanh toán tiền hàng xuất khẩu uỷ thác phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng (như đối với trường hợp xuất khẩu hàng hoá) cho bên uỷ thác.

Trường hợp bên nhận uỷ thác xuất khẩu thực hiện xuất khẩu cùng một loại hàng hoá theo từng chuyến hàng của nhiều chủ hàng khác nhau, giao hàng cho nhiều khách hàng và giá cả cũng khác nhau thì bên nhận uỷ thác phải xác nhận về số lượng hàng hoá thực tế đã xuất khẩu kèm theo bảng kê chi tiết tên hàng hoá, số lượng, đơn giá và doanh thu hàng đã xuất khẩu và phải sao gửi: tờ khai Hải quan, hợp đồng xuất khẩu và chứng từ thanh toán qua ngân hàng cho bên uỷ thác (đơn vị sao gửi ký tên, đóng dấu).

Trường hợp người nộp thuế có hợp đồng xuất khẩu bán hàng hoá cho khách hàng nước ngoài, đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu hàng hoá, sau đó người nộp thuế có thoả thuận với phía nước ngoài điều chỉnh giá bán hàng hoá; nếu người nộp thuế có phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và điều chỉnh hoá đơn GTGT và doanh số hàng hoá xuất khẩu theo giá bán hàng hoá đã điều chỉnh, nếu hàng hoá xuất khẩu đảm bảo đủ điều kiện về khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá xuất khẩu thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá đã xuất khẩu được kê khai khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

Trường hợp hàng hoá xuất khẩu tăng/giảm trọng lượng, thể tích tự nhiên trong quá trình vận chuyển do tính chất lý hoá của hàng hoá (theo kết quả giám định độc lập của bên xuất khẩu và bên nhập khẩu) thì người nộp thuế được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của số lượng hàng hoá thực xuất khẩu nếu đáp ứng các điều kiện khác theo quy định. Trường hợp này, doanh thu bán hàng hoá xuất khẩu được xác định căn cứ vào số tiền phía nước ngoài thực thanh toán qua ngân hàng theo

quy định phù hợp với thoả thuận của hai bên mua và bên bán trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng, nếu có) có liên quan. Số thuế GTGT được hoàn tính trên toàn bộ giá trị hàng hoá thực tế đã xuất khẩu.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá xuất khẩu bị khách hàng nước ngoài trả lại không được hoàn thuế. Trường hợp cơ quan thuế đã hoàn thuế cao hơn số thuế được hoàn thì thực hiện thu hồi số thuế không được hoàn tương ứng với giá trị hàng hoá xuất khẩu bị trả lại. Số thuế thu hồi hoàn được xử lý theo quyết định của cơ quan thuế. Nếu sau đó người nộp thuế tiếp tục bán số hàng hoá bị trả lại này thì phải kê khai nộp thuế và được khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

Trường hợp kiểm tra các kỳ hoàn trước nếu đến thời hạn phải xuất trình chứng từ thanh toán qua ngân hàng mà người nộp thuế chưa xuất trình được thì cơ quan thuế thực hiện thu hồi số tiền thuế đã hoàn đối với hàng hoá xuất khẩu chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng và xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. Nếu sau đó người nộp thuế được phía nước ngoài thanh toán, xuất trình chứng từ thanh toán thì được kê khai khấu trừ, hoàn thuế theo quy định.

+ Đối với hồ sơ hoàn đầu tư: Cần yêu cầu người nộp thuế xuất trình Giấy chứng nhận đầu tư để xem xét Tổng số vốn đầu tư, Thời gian đầu tư, Tiến độ đầu tư, Tiến độ góp vốn... Tiến độ thanh toán và các điều kiện khấu trừ của Hàng hóa dịch vụ đầu tư mua vào.

Trong trường hợp này phải lập Biên bản làm việc ghi nhận các kết quả giải trình của Người nộp thuế và yêu cầu của Cơ quan thuế

Kể từ ngày ký biên bản làm việc thì trong thời hạn 6 ngày làm việc Bộ phận giải quyết hồ sơ trước hoàn phải lập đầy đủ các mẫu biểu ban hành kèm theo quy trình để gửi bộ phận thẩm định hồ sơ thẩm định. Nếu kết quả thẩm định đồng ý với Kết quả giải quyết thì gửi Hồ sơ về Tổng Cục thuế để giám sát. Nếu kết quả giám sát đủ điều kiện ban hành Quyết định hoàn thuế thì thực hiện ban hành Quyết định hoàn thuế, thông báo không được hoàn nếu có và Trình ký Lệnh hoàn thuế để chi hoàn cho NNT. Trường hợp kết quả giám sát của Tổng cục Thuế không đủ điều kiện ban hành Quyết định hoàn thuế thì tiếp tục giải trình các căn cứ theo yêu cầu của Tổng cục Thuế.

Trong thời gian qua, do chính sách thắt chặt của việc hoàn thuế giá trị gia tăng, hầu hết các trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau đều được yêu cầu giải trình. Một mặt nhằm kiểm soát kỹ hồ sơ trước khi gửi Tổng cục thuế giám sát, một mặt kéo dài thời gian giải quyết hoàn do Quỹ hoàn thuế GTGT rất hạn hẹp. Qua công tác giám sát hồ sơ của Tổng cục thuế cũng phát hiện nhiều hồ sơ chưa làm đúng nhưng cơ quan thuế vẫn giải quyết

Ví dụ như Công ty TNHH Frist Rubber công ty đã đi vào sản xuất, đã hết thời gian dự án đầu tư từ năm 2016 nhưng công ty vẫn thực hiện hoàn thuế theo trường hợp dự án đầu tư từ tháng 01 năm 2017. Tổng cục Thuế đã không cho hoàn đối với trường hợp này vì không đúng trường hợp hoàn..

Ví dụ như Công ty TNHH Geotech Việt Nam có hồ sơ hoàn thuế với lý do hoàn xuất khẩu theo điểm b, khoản 12 điều 1 thông tư 26/2015/TT-BTC. Mặc dù thuộc đối tượng hoàn thuế trước kiểm tra sau nhưng Cơ quan thuế đã yêu cầu doanh nghiệp giải trình hồ sơ, đã loại số thuế không được hoàn là 9.807.771 đồng. Nguyên nhân là do doanh thu xuất khẩu theo hợp đồng đã đến hạn thanh toán nhưng bên nhập khẩu chưa thanh toán và do khoản phải thanh toán theo hợp đồng cho cung cấp dịch vụ là Công ty cổ phần giao nhận kho vận Mê Linh chưa được thanh toán.

**b) Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau:**

Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau là hồ sơ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Hoàn thuế theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trừ trường hợp hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần của các hãng vận tải nước ngoài.

- Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu.

- Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ thời điểm bị cơ quan quản lý thuế xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận về thuế.

- Người nộp thuế sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ thời điểm bị cơ quan quản lý nhà nước xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, gian lận thương mại.



- Doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

- Người nộp thuế thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế là các trường hợp người nộp thuế được đánh giá xếp hạng rủi ro cao, rủi ro rất cao, người nộp thuế có thời gian hoạt động dưới 12 tháng hướng dẫn tại Thông tư số 204/2015/TT-BTC.

- Hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu theo thông báo của cơ quan thuế hoặc có giải trình, bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng.

Trong trường hợp này Cơ quan thuế phải ban hành Thông báo hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế. Bộ phận giải quyết hồ sơ hoàn thuế thực hiện phân tích hồ sơ và ban hành Quyết định kiểm tra trước khi hoàn thuế.

Kiểm tra trước hoàn thuế ngoài các nghiệp vụ đối với trường hợp hoàn thuế trước kiểm tra sau nhưng có mời giải trình như đã nêu ở trên cần lưu ý:

+ Thực hiện kiểm tra chặt chẽ hồ sơ, đối chiếu các cơ sở dữ liệu thông tin giữa các tài liệu có liên quan trên hồ sơ với nhau (như: giữa hợp đồng mua bán với chứng từ thanh toán; giữa tờ khai Hải quan và chứng từ thanh toán qua ngân hàng; lượng hàng hoá xuất khẩu với hợp đồng vận chuyển và chi phí vận chuyển từ nội địa đến khu vực biên giới, cảng, qua cửa khẩu;...) và với các hồ sơ, thông tin đã có tại cơ quan thuế (như: hồ sơ khai thuế người nộp thuế đã nộp có liên quan, dữ liệu quản lý thuế, quản lý rủi ro về thuế của cơ quan thuế, dữ liệu quản lý rủi ro về thuế của ngành Thuế, các chính sách thuế và các chính sách quản lý ngành có liên quan, thông tin từ các cơ quan liên quan cung cấp cho cơ quan thuế).

+ Trường hợp qua kiểm tra phát hiện nội dung, thông tin chưa rõ, chưa phù hợp (như: lượng hàng hoá mua, bán lớn không phù hợp với khả năng của người nộp thuế về vốn, quy mô kinh doanh, kho hàng, ...) thì phải đề nghị người nộp thuế giải trình, bổ sung kịp thời, hoặc giải trình, bổ sung không đầy đủ, hợp lý, không chứng minh được số thuế đã khai có liên quan là đúng thì cơ quan thuế đề nghị các cơ quan có liên quan (như: cơ quan thuế có liên quan, cơ quan Hải quan, ngân hàng,...)

cung cấp thông tin hoặc đến đối chiếu trực tiếp với hồ sơ lưu tại các cơ quan này để có đủ căn cứ xét hoàn thuế.

+ Trường hợp người nộp thuế có số thuế hoàn tăng đột biến (trên 10% so với cùng kỳ năm trước), có dấu hiệu rủi ro trong hoàn thuế cần xác định rõ nguyên nhân, thì thanh tra toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như nghĩa vụ nộp các loại thuế khác của người nộp thuế.

Chi tiết hóa hồ sơ hoàn thuế là nội dung quan trọng trong công tác hoàn thuế GTGT, giúp cho việc xem xét tính đầy đủ, trung thực trong hồ sơ hoàn thuế.

Chi tiết hóa hồ sơ hoàn thuế là yêu cầu bắt buộc khi tiến hành thực hiện hoàn thuế, việc kiểm tra, đối chiếu tính phù hợp, đầy đủ, tính trọng yếu trong hồ sơ hoàn thuế, tuy nhiên chi tiết hóa hồ sơ hoàn thuế không bao gồm những nội dung đòi hỏi thêm thủ tục đối với doanh nghiệp.

Từng khâu, từng bộ phận phải có trách nhiệm chi tiết từng nội dung được kiểm tra, đối chiếu, nhằm phát hiện và ngăn ngừa có hiệu quả những sai sót trong hồ sơ hoàn thuế.

Cán bộ thực hiện công tác hoàn thuế phải kiểm tra, đối chiếu phát hiện những sai sót trong hồ sơ hoàn thuế từ khâu nhận hồ sơ đến khâu trả kết quả công việc.

### ***3.2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hoàn thuế (Hoàn thuế điện tử)***

\* **Mục đích:** Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hoàn thuế GTGT đem lại nhiều lợi ích cho cả doanh nghiệp và cơ quan thuế, giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, giảm thiểu tương tác giữa cơ quan thuế và người nộp thuế, qua đó ngăn ngừa các hành vi tiêu cực trong hoàn thuế.

\* **Các biện pháp cụ thể:**

- Tổ chức hội nghị tập huấn Hoàn thuế GTGT điện tử hướng dẫn các thủ tục, thao tác trong dịch vụ hoàn thuế GTGT điện tử cho doanh nghiệp.

- Hướng dẫn quy trình xử lý nghiệp vụ hoàn thuế GTGT điện tử, phân công các bộ phận thuộc Cơ quan thuế trong thực hiện nhiệm vụ quản lý hoàn thuế GTGT theo đúng quy định của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

**\* Một số kết quả đạt được qua thời gian thực hiện hoàn điện tử từ tháng 4/2017 đến nay như sau:**

Thứ nhất, tiết kiệm thời gian, công sức trong việc gửi đề nghị hoàn thuế, hồ sơ giải trình, tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng so với gửi đề nghị hoàn trực tiếp hoặc qua đường bưu chính: Người nộp thuế có hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng hoặc hồ sơ giải trình, tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng có thể thực hiện lập và gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Hai là, tiết kiệm thời gian, công sức trong việc nhận các thông báo/quyết định của cơ quan Thuế: Các thông báo/quyết định của cơ quan Thuế trong quá trình giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng được cơ quan Thuế gửi đến người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế giúp giảm bớt thời gian (so với gửi qua đường bưu chính) và công sức của người nộp thuế (người nộp thuế không cần đến cơ quan Thuế nhận).

Ba là, công khai, minh bạch việc giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng tại cơ quan Thuế: Quá trình giải quyết hoàn thuế tại cơ quan Thuế được cập nhật liên tục trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế giúp người nộp thuế biết tình trạng giải quyết hồ sơ hoàn thuế của mình.

Bốn là, giảm thiểu việc người nộp thuế phải tiếp xúc trực tiếp với cơ quan chức năng, qua đó nhằm giảm tiêu cực trong quá trình giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng. Ngoài ra người nộp thuế còn được cung cấp dịch vụ lưu trữ và tra cứu hồ sơ hoàn thuế điện tử và hoàn toàn yên tâm khi sử dụng dịch vụ vì các hồ sơ này đều được bảo mật trên Cổng Thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

### **3.2.7. Các giải pháp khác**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách và hiện đại hóa ngành thuế theo đúng lộ trình; Thực hiện tốt Tuyên ngôn của Ngành thuế Việt Nam; luôn coi trọng, xây dựng và gìn giữ các giá trị: Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới.

Triển khai thực hiện tốt công tác kê khai thuế qua mạng, phấn đấu trong giai đoạn tới tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện khai thuế qua mạng; nộp

thuế qua các Ngân hàng thương mại; hóa đơn điện tử; kết nối thông tin 4 ngành Thuế - Hải quan - Kho bạc - Tài chính.

Khuyến khích các đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện khai thuế điện tử và kê khai thuế qua các tổ chức kinh doanh làm dịch vụ về thuế hay đại lý thuế nhằm giảm tải cho cán bộ quản lý kê khai do hiện tại các đơn vị phần lớn tập trung nộp hồ sơ khai thuế và nộp thuế vào ngày cuối của hạn nộp hồ sơ nên dữ liệu dồn lại vào những ngày cuối tháng do đó việc cập nhật thông tin thường chậm do nghẽn mạng.

Tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo chức năng, phân công cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ theo từng chức năng quản lý, tránh tình trạng chồng chéo, tạo sự chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ của công chức tại Cục Thuế, đưa bộ máy đi vào hoạt động có nề nếp, hiệu quả.

Triển khai thực hiện tốt chương trình cải cách của ngành Thuế, triển khai thực hiện quy chế “một cửa” trong việc phục vụ người nộp thuế; Bố trí nơi tiếp nhận hồ sơ thuế, tiếp người nộp thuế và công dân đến giao dịch; thực hiện giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo đúng quy định của pháp luật; công khai các thủ tục hành chính về thuế tại trụ sở, tạo điều kiện tốt nhất cho người nộp thuế.

Xây dựng, mua sắm mới và nâng cấp hệ thống hạ tầng truyền thông, kỹ thuật và trang thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong thời kỳ mới.

Định kỳ 6 tháng, 1 năm tiến hành kiểm tra, đánh giá việc sử dụng các ứng dụng quản lý thuế và công tác tin học của cán bộ công chức để có những biện pháp khắc phục đối với công chức còn yếu kém về tin học.

Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tập trung nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ công chức trong Cục Thuế, trong đó xác định công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên;

Làm tốt công tác quản lý tài chính và tài sản;

Làm tốt công tác hậu cần phục vụ, đảm bảo các nhu cầu phục vụ công tác của đơn vị và CBCC, đảm bảo chế độ quyền lợi của người lao động;

Giải quyết, xử lý triệt để các khiếu nại, tố cáo tại Cục Thuế, bố trí cán bộ giải quyết, xử lý khiếu nại tại Cục Thuế;

Các trường hợp khiếu nại, tố cáo thường xuất phát từ việc không đồng tình với kết quả giải quyết hoàn, số thuế được hoàn, số thuế không được hoàn; vì vậy, ngay từ đầu cần có phương pháp giải quyết hồ sơ phù hợp, kết luận kiểm tra trước và sau hoàn thuế chặt chẽ, căn cứ vào quy định của pháp luật về quản lý thuế nhằm tạo sự hợp tác của doanh nghiệp, tránh tình trạng xảy ra khiếu nại, tố cáo.

Trên đây là một số biện pháp mà chúng ta cần phải thực hiện để hoàn thiện hơn nữa công tác hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

### **3.3. Kiến nghị**

#### **3.3.1. Kiến nghị đối với Chính phủ**

- Ban hành một hệ thống văn bản pháp quy thống nhất các qui định về quản lý, sử dụng và xử lý các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng hoá đơn, thay thế cho các văn bản hiện hành qui định về vấn đề này. Cần quy định các nhóm doanh nghiệp được sử dụng hóa đơn tự in nhằm quản lý chặt chẽ hóa đơn.

- Bãi bỏ hoặc sửa đổi một số qui định về kê khai khấu trừ thuế GTGT đối khâu trung gian như hoạt động thương mại.

- Bổ sung qui định về việc tổ chức, cá nhân thu mua nông, lâm, thủy hải sản chưa qua chế biến của người sản xuất không sử dụng hoá đơn, thì người mua phải lập “hoá đơn thu mua hàng” để giao cho người bán hàng, thay cho việc sử dụng bảng kê như hiện nay.

- Đề xuất Chính Phủ ký các Hiệp định song phương, đa phương với các quốc gia láng giềng có chung biên giới, các nước trong khu vực để tăng cường việc phối hợp, hỗ trợ điều tra, xác minh làm rõ các sai phạm trong hoạt động xuất khẩu hàng hoá xin hoàn thuế.

#### **3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính - Tổng cục Thuế**

- Tổ chức thực hiện mở thưởng đối với hoá đơn mua hàng của người tiêu dùng cuối cùng để khuyến khích người tiêu dùng yêu cầu người bán hàng phải lập hoá đơn. Đây là một biện pháp một số nước trong khu vực đã và đang áp dụng nhằm tăng thu, chống khai man, trốn thuế và góp phần giáo dục thức chấp hành chính sách về thuế đối với các doanh nghiệp.

- Điều chỉnh thuế suất thuế GTGT hợp lý, tối đa còn 02 mức thuế suất (0%

và 10%).

- Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu hoặc xuất vào khu phi thuế quan cần phải được cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra đầy đủ và thủ tục tờ khai Hải quan phải được xác nhận đầy đủ mới được hưởng thuế xuất 0%.

- Nâng cao chất lượng hoá đơn tự in, trách nhiệm của doanh nghiệp để tình trạng hóa đơn sai, tăng chế tài xử phạt cho hành vi sử dụng hóa đơn sai quy định, chống làm giả hóa đơn.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoàn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm hoàn thuế GTGT: tổ chức lại bộ máy quản lý thuế, qui định rõ trách nhiệm cán bộ thuế trong việc xử lý hoàn thuế, tăng cường cán bộ có trình độ nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt làm công tác thanh tra, kiểm tra hoàn thuế, tổ chức tập huấn thanh tra sau hoàn thuế.

- Phối hợp với Cơ quan công an phát hiện các tổ chức, cá nhân in và lưu hành hoá đơn giả, đề nghị truy tố trước pháp luật.

- Triển khai sử dụng hóa đơn điện tử và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sử dụng hóa đơn điện tử, giúp cơ quan thuế có thể kiểm tra dễ dàng hơn, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, thời gian.

- Khẩn trương xây dựng thông tin công nghệ thông tin toàn quốc về việc quản lý, sử dụng hoá đơn phục vụ việc đối chiếu chéo hoá đơn nhằm đảm bảo tính kịp thời, chính xác trong kê khai khấu trừ thuế, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân trong toàn quốc, khắc phục tình trạng đối chiếu thủ công, hạn chế tới mức thấp nhất sự thất thoát về thuế.

- Phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương trong việc thực hiện các biện pháp tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các trường hợp khai man hồ sơ, hoá đơn, chứng từ để lập hồ sơ hoàn thuế rút tiền NSNN.

### **3.3.3. Kiến nghị đối với địa phương**

Chính sách hoàn thuế GTGT là chủ trương lớn, để công tác hoàn thuế GTGT đạt hiệu quả không chỉ là nhiệm vụ riêng của cơ quan thuế mà đây là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, do vậy đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan thuế và các ngành liên quan như ngành Hải quan,

công an, ngân hàng, kho bạc .v.v để ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận hoàn thuế Giá trị gia tăng, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp nước ngoài, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, tăng thu Ngân sách nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

Chương 3 của luận văn đã đưa ra các quan điểm định hướng đối với công tác quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng và các giải pháp tăng cường quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Luận văn đã xác định rõ công tác quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là rất quan trọng, góp phần đẩy lùi tình trạng trốn thuế, gian lận thuế Giá trị gia tăng.

Từ thực trạng quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, luận văn đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.



## KẾT LUẬN

Nghiên cứu các vấn đề về công tác quản lý thu thuế nói chung và công tác quản lý hoàn thuế nói riêng từ trước đến nay luôn là vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp vì nó liên quan đến quan hệ lợi ích và diễn ra trong một không gian rộng, thời gian dài, liên quan đến nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Công tác quản lý hoàn thuế GTGT thì tính chất phức tạp lại càng lớn.

Cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý thuế trên cả nước, trong những năm vừa qua Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã có những chuyển biến tích cực trong quản lý thuế nói chung và công tác quản lý hoàn thuế nói riêng. Bám sát chính sách chế độ, thực hiện các quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản quy định, giải quyết hoàn thuế chính xác, nhanh chóng, đồng hành cùng doanh nghiệp phát triển, tạo môi trường đầu tư minh bạch để tăng cường thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, tăng cường thanh tra, kiểm tra trước và sau hoàn những doanh nghiệp rủi ro cao về thuế, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý liên quan đảm bảo sự an toàn của ngân sách nhà nước.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, luận văn đã đặt ra và giải quyết tương đối đầy đủ các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, hệ thống hóa và làm rõ các vấn đề cơ sở lý luận về công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó đã tập trung làm rõ sự cần thiết tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT trong bối cảnh có sự phát triển nhanh chóng về số lượng NNT có vốn đầu tư nước ngoài, sự đa dạng hình thức kinh doanh và mức độ phức tạp trong các giao dịch kinh tế có liên quan đến thuế; trình bày các trường hợp được hoàn, không được hoàn, yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoàn thuế; kinh nghiệm của một số Cục Thuế địa phương có số tiền cũng như số lượng doanh nghiệp hoàn lớn như Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, Hà Nội.

*Thứ hai*, trên cơ sở phân tích thực trạng công tác quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm 2017-2019; đồng thời, chỉ rõ nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan đưa tới những hạn chế, tồn tại đó.

*Thứ ba*, để tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc, luận văn đã đưa ra hệ thống giải pháp bao gồm: Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn NNT chính sách hoàn thuế GTGT; Quản lý hoá đơn chứng từ chặt chẽ; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trước và sau hoàn thuế; Chi tiết hóa hồ sơ; Ứng dụng công nghệ thông tin (hoàn thuế điện tử).

Tuy nhiên, để các giải pháp này phát huy hiệu quả trong thực tiễn cuộc sống đòi hỏi không chỉ nỗ lực của riêng ngành thuế mà còn là sự đổi mới đồng bộ của cả hệ thống quản lý Nhà nước, trong đó Chính quyền và Công an là những khâu then chốt.

Mong muốn lớn nhất của em là một đề xuất nhỏ của chuyên đề phát huy được tác dụng trong thực tiễn công tác hoàn thuế GTGT của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc và của toàn ngành thuế, góp phần nâng cao vai trò của thuế trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng đầu tư, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu và giảm thiểu rủi ro cho Ngân sách Nhà nước.

Với các giải pháp và kiến nghị được đề xuất trong luận văn tôi hy vọng rằng sẽ góp phần tăng cường quản lý hoàn thuế GTGT đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2013). *Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP*, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2013). *Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng*, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2016). *Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 hướng dẫn về quản lý hoàn thuế Giá trị gia tăng của Bộ Tài chính*.
4. Bộ Tài chính (2016). *Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2018). *Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính*.
6. Chính Phủ (2013). *Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT*, Hà Nội.
7. Chính Phủ (2016). *Nghị định 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế*, Hà Nội.
8. Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc (Báo tổng kết công tác thuế các năm 2017, 2018, 2019).
9. Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc (Báo cáo tổng kết công tác hoàn thuế các năm 2017,

- 2018, 2019).
10. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XII) *Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008, Hà Nội.*
  11. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XI, kỳ họp thứ 10-2006) *Luật quản lý thuế số 78/2006/QH1, Hà Nội.*
  12. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XIII), *Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11, Hà Nội.*
  13. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XIII), *Luật 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Hà Nội.*
  14. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XIII), *Luật 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế, Hà Nội.*
  15. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Khóa XIV) *Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14, Hà Nội.*
  16. Tổng cục Thuế (2011), *Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011. Về việc ban hành quy trình hoàn thuế, Hà Nội.*
  17. Nhật Minh (2017), “*Quản lý hoàn thuế GTGT*”,  
<http://www.thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/>
  18. TS. Phạm Thị Thúy Hằng (2016), “*Những đổi mới trong quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng*”, Tạp chí tài chính, Hà Nội.
  19. Website: <http://www.gdt.gov.vn>
  20. Website: <http://www.mof.gov.vn>
  21. Website: <http://www.vinhphuc.gov.vn>